

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX**

.....

Thời gian: *Bắt đầu lúc 7h30 ngày 25/4/2026 (thứ Bảy)*
Địa điểm: *Hội trường tầng 21, Trụ sở Tổng công ty CP VINACONEX
34 Láng Hạ, phường Láng, TP. Hà Nội*

THỜI GIAN	NỘI DUNG
7h30-8h00	Đón tiếp và Đăng ký đại biểu.
8h00-8h10	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và công bố số lượng cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
8h10-8h20	Chào cờ, khai mạc Đại hội. Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu biểu quyết.
8h20-8h40	Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội.
8h40-9h00	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.
9h00-9h15	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.
9h15-9h35	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông.- Tờ trình của Ban kiểm soát về việc kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty CP VINACONEX.
9h35-9h40	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch năm 2026.
9h40-9h45	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2025.
9h45-9h50	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình của Hội đồng quản trị về thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025.
9h50-9h55	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình của Hội đồng quản trị về thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch giữa Tổng công ty CP VINACONEX với các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn kinh tế/nhóm VINACONEX trong năm 2026.
9h55-10h00	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty CP VINACONEX.
10h00-10h05	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty CP VINACONEX.
10h05-10h10	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty CP VINACONEX.

THỜI GIAN	NỘI DUNG
10h10-10h15	- Các nội dung khác trình Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
10h15-10h45	Thảo luận của Đại hội
10h45-11h00	<p>Đại hội biểu quyết thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ về:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch năm 2026. 2. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán. 3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026. 4. Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông. 5. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty CP VINACONEX. 6. Phương án chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch năm 2026. 7. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2025. 8. Phương án tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025. 9. Thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch giữa Tổng công ty CP VINACONEX với các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn kinh tế/nhóm VINACONEX trong năm 2026. 10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty CP VINACONEX. 11. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty CP VINACONEX. 12. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty CP VINACONEX. 13. Các nội dung khác (nếu có).
11h00-11h30	Đại hội tiến hành biểu quyết việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027
11h30-11h40	Nghỉ giải lao (10')
11h40-11h50	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11h50-11h55	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử
11h55-12h10	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội
12h10	Bế mạc Đại hội



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX**

Căn cứ:

- ✚ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- ✚ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ✚ Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 21/04/2025.
- ✚ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 14/04/2023.

Mục tiêu của Quy chế:

- ✚ Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- ✚ Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty cổ phần VINACONEX.

Ban Tổ chức xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- 1.1 Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức đại hội hướng dẫn, tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban Tổ chức.
- 1.2 Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc chế độ không để chuông.
- 1.3 Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội và thực hiện quyền/nghĩa vụ biểu quyết đối với tất cả các nội dung trình Đại hội thông qua. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức hoặc không gửi lại phiếu biểu quyết về các nội dung của Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó được coi là đã không thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội (đối với những nội dung mà cổ đông/đại diện cổ đông đó không thực hiện biểu quyết).



II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

- 2.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho trên 50% Tổng số phiếu biểu quyết của Tổng công ty.
- 2.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 2.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

3.1 Đối tượng được tham gia biểu quyết

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số VNMEETVSDV014238/VSDVCGXX do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng 23/3/2026) tham dự ĐHĐCĐ.

3.2 Nguyên tắc biểu quyết

- 3.2.1 Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết tại Đại hội. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết trong đó ghi Mã số tham dự, số phiếu biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
- 3.2.2 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

3.3 Cách biểu quyết

- 3.3.1 Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết từng vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo điều khiển của Chủ tọa bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và ghi Phiếu biểu quyết. Trong trường hợp có sự khác biệt về kết quả biểu quyết giữa phương thức giơ Thẻ biểu quyết và ghi Phiếu biểu quyết, kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ được xác định theo phương thức ghi Phiếu biểu quyết thu về tại Đại hội.

3.3.2 Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết

Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến) cho từng nội dung. Khi biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết của mình lên khi được Chủ tọa hỏi. Theo sự điều hành của Chủ tọa, cổ đông/đại diện cổ đông "Tán thành" sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên trước, tiếp sau đó cổ đông/đại diện cổ đông "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

3.3.3 Biểu quyết bằng phương thức ghi Phiếu biểu quyết:

- a) Mỗi nội dung tại Phiếu biểu quyết có 03 ô để cổ đông lựa chọn ý kiến biểu quyết bao gồm:
- Ô biểu quyết “Tán thành”;
 - Ô biểu quyết “Không tán thành”;
 - Ô biểu quyết “Không có ý kiến”.
- b) Khi biểu quyết từng nội dung, cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp thể hiện ý kiến biểu quyết (“Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”) bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào 01 trong 03 ô biểu quyết của nội dung biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết để nộp cho Ban Kiểm phiếu. Nội dung phiếu biểu quyết không hợp lệ là nội dung mà cổ đông/người đại diện của cổ đông không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng 1 nội dung biểu quyết. Nếu Phiếu biểu quyết hợp lệ có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại vẫn được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung hợp lệ đó.
- c) Việc bỏ phiếu Phiếu biểu quyết được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa đại hội hoặc đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi Ban Kiểm phiếu thu hết Phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông dự họp hoặc sau 15 (mười lăm) phút kể từ thời điểm Chủ tọa tuyên bố bắt đầu thời gian bỏ phiếu, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.
- d) Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông có yêu cầu đổi lại Phiếu biểu quyết do bị rách, nát, sơ suất viết thêm các ký hiệu lên Phiếu biểu quyết, nếu cổ đông/đại diện cổ đông chưa bỏ phiếu biểu quyết và chưa hết thời gian bỏ phiếu, thì cổ đông/đại diện cổ đông được quyền gặp trực tiếp Ban Kiểm phiếu trả lại Phiếu biểu quyết đã nhận để đổi lại Phiếu biểu quyết mới nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông/đại diện cổ đông. Ban Kiểm phiếu tập hợp các Phiếu biểu quyết cũ và gửi lại Chủ tọa đại hội.
- e) Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm thu Phiếu biểu quyết, kiểm Phiếu biểu quyết, lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết sẽ được Ban Kiểm phiếu xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.

3.4 Các trường hợp biểu quyết được coi là không hợp lệ:

- 3.4.1 Các trường hợp việc biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được coi là không hợp lệ:
- a) Cổ đông/đại diện cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của cùng một vấn đề.
 - b) Cổ đông/đại diện cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết một vấn đề.
- 3.4.2 Các trường hợp việc biểu quyết bằng ghi Phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được coi là không hợp lệ:
- a) Phiếu biểu quyết không theo mẫu quy định của Tổng công ty hoặc không có dấu của Tổng công ty.
 - b) Phiếu biểu quyết bị tẩy xóa làm cho không thể xác định được một cách rõ ràng về ý định biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đối với nội dung được biểu quyết tương ứng.



- c) Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
- d) Phiếu biểu quyết không dán tem ghi các thông tin về cổ đông/đại diện cổ đông.
- e) Trường hợp một nội dung biểu quyết có từ hai phương án biểu quyết trở lên mà cổ đông/đại diện cổ đông lựa chọn tán thành vào cả hai hoặc nhiều hơn hai phương án biểu quyết.
- f) Một nội dung biểu quyết có ghi từ 02 ý kiến biểu quyết khác nhau (“Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”) hoặc không có lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó bị coi là không hợp lệ.
- g) Trường hợp Phiếu biểu quyết có nhiều nội dung biểu quyết, nếu có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì chỉ nội dung biểu quyết đó sẽ được tính là không hợp lệ và không ảnh hưởng tới tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác trong Phiếu biểu quyết đó.

IV. ĐIỀU KIỆN THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

- 4.1 Mỗi cổ phần của cổ đông/đại diện cổ đông dự họp và thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội sẽ có một phiếu biểu quyết.
- 4.2 Ngoại trừ các vấn đề quy định tại mục 4.3 và 4.4 dưới đây, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện trên 50% Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 4.3 Đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về (i) loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; (ii) thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; (iii) thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; (iv) dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; (v) tổ chức lại, giải thể Tổng công ty: thì được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện từ 65% Tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 4.4 Đối với việc thông qua Tờ trình về các hợp đồng và giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông: cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch đó không có quyền biểu quyết. Tờ trình được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện từ 65% Tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

V. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

5.1 Nguyên tắc:

Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội có ý định phát biểu ý kiến thảo luận phải tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giao cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông/đại diện cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông/đại diện cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước, sau đó lần lượt các cổ đông/đại diện cổ đông giao Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

5.2 Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu phải đảm bảo:

- a) Phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban Tổ chức 02 ngày trước ngày diễn ra Đại hội.
- b) Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
- c) Không đề xuất các vấn đề thuộc quyền hạn của Hội đồng quản trị.
- d) Không đề xuất các vấn đề không đúng thẩm quyền hoặc nằm ngoài nội dung Chương trình Đại hội đã được phê duyệt.
- e) Nội dung đề xuất không được vi phạm Pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp để thực hiện hữu hiệu.
- f) Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

VI. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

- 6.1 Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- 6.2 Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- 6.3 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp.
- 6.4 Chủ tọa có quyền:
 - a) Yêu cầu tất cả cổ đông dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những cổ đông không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 6.5 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp.
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**V/v: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động phức tạp khi áp lực lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro, chính sách tiền tệ tại nhiều quốc gia duy trì trạng thái thận trọng, cùng với những bất ổn địa chính trị và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Ở trong nước, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực nhờ sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, đầu tư công được đẩy mạnh và môi trường kinh doanh từng bước cải thiện. Tuy nhiên, sức cầu thị trường vẫn chưa thực sự bền vững, áp lực về vốn và chi phí tài chính vẫn là thách thức đối với doanh nghiệp.

Đối với lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản, năm 2025 tiếp tục là giai đoạn chuyển mình quan trọng. Ngành xây dựng được hưởng lợi từ việc gia tăng đầu tư công, đặc biệt là các dự án hạ tầng trọng điểm, song vẫn chịu tác động từ biến động giá nguyên vật liệu và cạnh tranh ngày càng gay gắt. Trong khi đó, thị trường bất động sản từng bước phục hồi sau giai đoạn trầm lắng, với khung pháp lý dần hoàn thiện và tâm lý nhà đầu tư cải thiện, tuy nhiên vẫn tồn tại những khó khăn về thanh khoản, nguồn vốn và cơ cấu sản phẩm. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp trong ngành cần chủ động thích ứng, nâng cao năng lực quản trị và tối ưu hóa nguồn lực để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức.

Dưới chỉ đạo sát sao của HĐQT và nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng tập thể cán bộ công nhân viên, VINACONEX tiếp tục tăng trưởng quy mô và duy trì hiệu quả hoạt động trên cả ba trụ cột là xây dựng - bất động sản - đầu tư tài chính, tạo tiền đề vững vàng để VINACONEX sẵn sàng bứt phá trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Ban Tổng giám đốc trân trọng báo cáo Quý cổ đông về kết quả hoạt động SXKD trong năm tài chính 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 như sau:

I. VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025**1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chính đã thực hiện trong năm 2025***Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH Năm 2025	% TH 2025/2024
1. Hợp nhất TCT					
- Tổng doanh thu, TN	13.176	15.500	19.868	128%	151%
- Lợi nhuận sau thuế	1.108	1.200	3.865	322%	349%

2. Công ty mẹ					
- Tổng doanh thu, TN	9.746	11.500	15.169	132%	156%
- Lợi nhuận sau thuế	861	1.000	3.453	345%	401%
- Tỷ lệ cổ tức (%)	16%	16%	16%	100%	100%

2. Đánh giá tổng quan về hiệu quả hoạt động SXKD năm 2025

- Kết quả kinh doanh Hợp nhất: Tổng doanh thu 19.868 tỷ đồng, đạt 128% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 151% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận sau thuế 3.865 tỷ đồng, đạt 322% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 349% so với thực hiện năm 2024.
- Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ: Tổng doanh thu 15.169 tỷ đồng, đạt 132% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 156% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận sau thuế 3.453 tỷ đồng, đạt 345% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 401% so với thực hiện năm 2024.
- Năm 2025 quy mô hoạt động của Tổng công ty đạt mức tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay. Lợi nhuận năm 2025 vượt kế hoạch đề ra và tăng trưởng ở mức cao so với kết quả thực hiện năm 2024.

3. Về hoạt động xây lắp

Trong năm 2025, công tác đấu thầu và phát triển dự án tiếp tục là một trong những trụ cột tăng trưởng quan trọng của Tổng công ty. Tổng giá trị hợp đồng trúng thầu mới đạt trên **9.200 tỷ đồng**, tạo nguồn việc ổn định cho năm 2026 và làm tiền đề cho các năm tiếp theo, góp phần củng cố năng lực cạnh tranh và vị thế của VINACONEX trên thị trường xây dựng.

Tổng công ty đã trúng thầu và triển khai nhiều dự án xây dựng dân dụng và hạ tầng giao thông quy mô lớn, có ý nghĩa chiến lược, tiêu biểu như: Dự án mở rộng cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn La Sơn – Hòa Liên; Dự án mở rộng đoạn cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Long Thành; Dự án cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng (đoạn qua Nam Định, Thái Bình); các gói thầu thuộc Dự án Phát triển các Đại học Quốc gia Việt Nam – Tiểu dự án Đại học Quốc gia Hà Nội. Song song với việc đấu thầu các dự án trong nước, VINACONEX tích cực mở rộng quan hệ hợp tác, làm việc với các tổng thầu và chủ đầu tư quốc tế đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản nhằm gia tăng sự hiện diện của VINACONEX trong chuỗi dự án FDI – một phân khúc có yêu cầu cao về tiêu chuẩn kỹ thuật, quản trị và tính chuyên nghiệp.

Công tác quản trị hoạt động xây lắp tiếp tục được tăng cường theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát hiệu quả - chất lượng - tiến độ - chi phí, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo an toàn lao động và phát triển thương hiệu VINACONEX. Nhiều dự án do VINACONEX thực hiện đã hoàn thành vượt tiến độ, được các cơ quan quản lý Nhà nước, chủ đầu tư đánh giá cao, tiêu biểu như Dự án cao tốc Bắc – Nam đoạn Vân Phong – Nha Trang. Kết quả đạt được trong năm 2025 của hoạt động xây lắp tiếp tục khẳng định năng lực tổng thầu của VINACONEX trong các dự án trọng điểm, có quy mô lớn.

Cùng với việc nâng cao năng lực thi công, Tổng công ty đã chủ động triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực xây lắp, từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị dự án hiện đại. Cụ thể, VINACONEX đã đầu tư và đưa vào áp dụng phần mềm V-EST (Hàn Quốc) trong công tác bóc tách, quản lý khối lượng trên nền tảng 3D, phục vụ hiệu quả cho cả giai đoạn đấu thầu và quản lý thực hiện dự án. Việc ứng dụng V-EST giúp nâng cao độ chính xác trong kiểm soát khối lượng, giảm thiểu sai sót so với phương pháp truyền thống, đồng thời tăng năng suất lao động và khả năng kiểm soát thay đổi thiết kế. Bên cạnh đó, VINACONEX tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống phần mềm quản lý xây lắp (ERP) cho các dự án đang thực hiện, qua đó tăng cường tính minh bạch, đồng bộ dữ liệu và khả năng kiểm soát xuyên suốt từ lập kế hoạch, quản lý chi phí, hợp đồng đến tiến độ thi công. Việc kết hợp giữa mô hình quản lý khối lượng 3D và hệ thống ERP đang từng bước hình thành nền tảng quản trị dự án theo hướng số hóa, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và năng lực cạnh tranh của VINACONEX.

Hiệu quả tài chính của hoạt động xây lắp trong năm 2025 tiếp tục được duy trì ổn định, đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành mục tiêu lợi nhuận chung của Tổng công ty, đồng thời tạo dư địa cho các chiến lược đầu tư và phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

VINACONEX tiếp tục được ghi nhận với nhiều giải thưởng và danh hiệu uy tín trong ngành xây dựng, tiêu biểu như: Top 2 Nhà thầu xây dựng uy tín năm 2025, Top 10 Doanh nghiệp ESG – nhóm Tổng thầu xây dựng, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á (Fortune Southeast Asia 500)... , qua đó nâng cao hình ảnh và thương hiệu trên thị trường trong nước và khu vực.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động xây lắp, VINACONEX luôn chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. Năm 2025, VINACONEX tiếp tục phối hợp với Trường Đại học Xây dựng Hà Nội tổ chức chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng – chuyên ngành đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị để đào tạo lực lượng cán bộ nòng cốt, nâng cao nội lực và chuẩn bị sẵn sàng nguồn nhân lực cho các dự án hạ tầng quy mô lớn trong tương lai.

4. Về hoạt động đầu tư

- Dự án VINACONEX Diamond Tower hoàn thành công tác cải tạo và chuyển nhượng 36.000 m² sàn văn phòng hạng A cho khách hàng, đưa tòa nhà đi vào hoạt động kinh doanh.
- Dự án Khu công nghệ cao Hòa Lạc tiếp tục hoàn thiện đầu tư san lấp mặt bằng, hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp công nghệ cao 1 và công nghệ cao 2. Tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm khách hàng, hoàn thành thủ tục cho nhà đầu tư mới thuê lại đất tại dự án.
- Dự án khu công nghiệp Đông Anh với quy mô 300 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 6.338 tỷ đồng đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận VINACONEX là nhà đầu tư thực hiện Dự án. Đến cuối năm 2025, Dự án đã được phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.



- Dự án khu đô thị Đại lộ Hòa Bình kéo dài tại thành phố Móng Cái đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật, triển khai thi công phần xây thô, đủ điều kiện pháp lý để triển khai bán hàng đối với diện tích thuộc giai đoạn 1. Hiện tại dự án đã và đang triển khai công tác bán hàng, ký hợp đồng chuyển nhượng và thu tiền của khách hàng theo tiến độ.
- Dự án đầu tư xây dựng công trình TMDV, văn phòng, khách sạn cao cấp Capital One tại Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, phường Định Công, Hà Nội. Diện tích đất 13.141 m², đang thực hiện triển khai thi công đầu tư xây dựng phần ngầm.
- Dự án khu nghỉ dưỡng Condotel Resort ven biển tại Tuy Hòa, Phú Yên có quy mô diện tích đất sử dụng 93.800,3 m², đã hoàn thành thủ tục pháp lý và đang thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật chính của dự án.
- Dự án khu khách sạn Resort nghỉ dưỡng, nhà hàng thuộc khu du lịch sinh thái và bãi tắm Hạ Thanh, Tam Kỳ, Quảng Nam, quy mô diện tích 19.725 m² đang được triển khai các thủ tục pháp lý chuẩn bị cho các bước đầu tư xây dựng dự án.

Bên cạnh đó, VINACONEX đã triển khai thủ tục đầu tư một số dự án như Tòa nhà văn phòng cho thuê tại khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, Dự án Công trình hỗn hợp văn phòng kết hợp nhà ở D9 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội; Khu đô thị Ngân Câu Quảng Nam (VINACONEX 25); nghiên cứu đầu tư một số dự án khu đô thị, khu công nghiệp tại Hà Nội, Quảng Ninh, Phú Thọ, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

- Công tác khai thác tài sản sau đầu tư tiếp tục được duy trì ổn định, hiệu quả. Hoạt động tái cấu trúc tài sản sau đầu tư được thực hiện hiệu quả, góp phần tạo nguồn vốn đầu tư vào các dự án tiếp theo.

5. Về hoạt động đầu tư tài chính

- Trong năm 2025, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng từ khó khăn chung của kinh tế vĩ mô nhưng do đẩy mạnh công tác quản trị, nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát nên phần lớn các công ty con đều kinh doanh có lãi. Các công ty có lợi nhuận lớn bao gồm: VINACONEX Invest, VINACONEX CM, VIWACO, NEDI2, Hệ thống giáo dục Lý Thái Tổ, Bách Thiên Lộc. Một số công ty thành viên đạt doanh thu trên một ngàn tỷ đồng bao gồm: VINACONEX CM, VINACONEX 25, VIWACO.
- Năm 2025 Tổng công ty đã thực hiện thành công việc thoái vốn tại một số công ty: VINACONEX 12, VINACONEX ITC. Kết quả này ngoài việc đem lại dòng tiền và nguồn lợi nhuận lớn cho Tổng công ty, còn giúp cải thiện tình hình tài chính, tạo nguồn vốn sẵn có để hiện thực các cơ hội đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty thành viên tiếp tục được tăng cường phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho Công ty và mang lại lợi ích cho hệ thống VINACONEX.

6. Công tác tài chính, kế toán

Công tác tài chính kế toán, lập, kiểm toán và công bố các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và năm được thực hiện đầy đủ, tuân thủ các chuẩn mực kế toán, quy định của pháp luật về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

7. Các hoạt động khác

- Tổng công ty đã kiện toàn bộ phận kiểm soát nội bộ để tăng cường công tác kiểm soát, nâng cao hiệu quả và quản trị rủi ro.
- Công tác tổ chức, nhân sự, đối ngoại, pháp chế, truyền thông, văn phòng... tiếp tục đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi cho cán bộ công nhân viên được duy trì ổn định.
- Hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên của VINACONEX luôn được quan tâm và phát huy hiệu quả, góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Năm 2026, trong bối cảnh xung đột địa chính trị tại Trung Đông tiếp tục diễn biến phức tạp, kéo theo biến động khó lường của giá xăng dầu và chi phí năng lượng toàn cầu, các doanh nghiệp xây lắp và kinh doanh bất động sản trong năm 2026 sẽ chịu tác động đa chiều, vừa có khó khăn, vừa xuất hiện một số cơ hội nhất định.

Thuận lợi:

- Trước hết, nền kinh tế vĩ mô được kỳ vọng duy trì ổn định. Hoạt động đầu tư công tiếp tục được Chính phủ đẩy mạnh, đặc biệt trong các dự án hạ tầng giao thông, đô thị và năng lượng, qua đó mở ra nhiều cơ hội việc làm cho các doanh nghiệp xây lắp.
- Khung pháp lý liên quan đến bất động sản ngày càng hoàn thiện (như Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản sửa đổi) góp phần nâng cao tính minh bạch và niềm tin của thị trường. Nhu cầu nhà ở, đặc biệt tại các đô thị lớn và phân khúc nhà ở vừa túi tiền, vẫn duy trì ở mức cao, tạo nền tảng cho sự phục hồi của thị trường.
- Việc dịch chuyển chuỗi cung ứng và dòng vốn đầu tư quốc tế khỏi những khu vực bất ổn có thể giúp Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn, qua đó thúc đẩy nhu cầu phát triển khu công nghiệp, logistics và bất động sản công nghiệp.

Khó khăn:

- Đối với lĩnh vực xây lắp, biến động giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công gia tăng và áp lực cạnh tranh về giá thầu sẽ làm suy giảm biên lợi nhuận. Ngoài ra, yêu cầu ngày càng cao về tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường và chuyển đổi số cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư thêm nguồn lực để thích ứng.
- Thị trường bất động sản phục hồi chưa đồng đều giữa các phân khúc, thanh khoản ở một số khu vực vẫn thấp, khiến việc triển khai và tiêu thụ dự án gặp nhiều thách thức.
- Bên cạnh việc phải đối mặt với áp lực về dòng tiền và chi phí tài chính trong bối cảnh việc kiểm soát tín dụng vào lĩnh vực bất động sản tuy có nới lỏng nhưng chưa hoàn toàn thông thoáng, Doanh nghiệp đang phải chịu áp lực kép từ việc biến động mạnh của giá xăng dầu, nhân công và các chi phí nguyên vật liệu đầu vào

Với mục tiêu duy trì ổn định trên cả 3 trụ cột phát triển, tiếp tục duy trì vị thế hàng đầu của VINACONEX trong ngành xây dựng, VINACONEX xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 tiếp tục có sự tăng trưởng so với năm 2025, cụ thể:



1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2026	TH 2025	% KH 2026/TH 2025
1. Hợp nhất toàn Tổng công ty			
- Tổng doanh thu, thu nhập	15.423	19.868	77,6%
- Lợi nhuận sau thuế	1.037	3.865	26,8%
2. Công ty mẹ			
- Tổng doanh thu, thu nhập	10.740	15.169	70,8%
- Lợi nhuận sau thuế	1.018	3.453	29,5%
- Tỷ lệ cổ tức (%)	16%	16%	100%

2. Định hướng và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2026

VINACONEX xác định năm 2026 là năm cần chủ động tái cấu trúc, nâng cao năng lực tài chính, quản trị rủi ro và lựa chọn chiến lược phát triển phù hợp nhằm tận dụng cơ hội từ quá trình phục hồi thị trường và giảm thiểu các tác động bất lợi, tập trung vào một số giải pháp sau:

- Thứ nhất, củng cố nền tảng tài chính và quản trị rủi ro.

Tập trung rà soát, cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng an toàn, giảm phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn, tăng cường quản trị dòng tiền và kiểm soát chi phí chặt chẽ. Đồng thời, xây dựng các kịch bản ứng phó với biến động giá nguyên vật liệu, lãi suất và thị trường, nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình triển khai dự án.

- Thứ hai, tập trung vào các lĩnh vực và phân khúc có tiềm năng.

Ưu tiên phát triển các dự án có tính thanh khoản tốt, đáp ứng nhu cầu thực như nhà ở vừa túi tiền, nhà ở xã hội, bất động sản khu công nghiệp và logistics. Trong lĩnh vực xây lắp, đẩy mạnh tham gia các dự án hạ tầng trọng điểm và các công trình có nguồn vốn ổn định, hạn chế dàn trải vào các dự án rủi ro cao.

- Thứ ba, nâng cao quản trị, năng lực thi công và tối ưu chi phí.

Tăng cường ứng dụng công nghệ trong thiết kế, thi công và quản lý dự án nhằm nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí và rút ngắn tiến độ. Đồng thời, chủ động xây dựng chuỗi cung ứng vật tư ổn định, thiết lập quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp để giảm thiểu tác động của biến động giá. Tối ưu hóa quản trị và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số và cải tiến quản trị doanh nghiệp.

Ứng dụng các giải pháp số trong quản lý dự án xây lắp, tài chính, nhân sự nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả vận hành. Đây cũng là nền tảng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với thay đổi của thị trường.

- Thứ năm, phát huy giá trị thương hiệu và kinh nghiệm tích lũy.

Tận dụng uy tín, năng lực đã được khẳng định với bề dày 37 năm để mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, tham gia các dự án quy mô lớn và nguồn tài chính phù hợp, đồng thời củng cố niềm tin của khách hàng và nhà đầu tư.

- Thứ sáu, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ, kỹ sư; đồng thời xây dựng cơ chế thu hút, giữ chân nhân tài, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành xây dựng và bất động sản.

- Thứ bảy, hướng tới phát triển bền vững.

Chú trọng các tiêu chuẩn về môi trường, tiết kiệm năng lượng và phát triển xanh trong thiết kế, thi công và vận hành dự án. Đây không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn giúp doanh nghiệp nâng cao giá trị thương hiệu và khả năng tiếp cận nguồn vốn trong dài hạn.

Với nền tảng kinh nghiệm phát triển hơn 37 năm, trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm và phát triển vững mạnh, VINACONEX hoàn toàn tin tưởng có thể vượt qua giai đoạn khó khăn, nắm bắt cơ hội phục hồi của thị trường và tiếp tục khẳng định vị thế trong thời kỳ phát triển mới.

Ban Tổng Giám đốc xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ, đồng hành của quý vị cổ đông, nhà đầu tư, đối tác đã dành cho VINACONEX. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực, phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD đã đề ra.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Đông

TỜ TRÌNH

V/v: **Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2025;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX);

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được Tổng công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và website Tổng công ty.

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Tổng công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu: VP, TKTH, TCKH.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Đình Tuấn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**V/v: Kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Năm 2025, kinh tế thế giới trải qua nhiều biến động phức tạp, tăng trưởng duy trì ở mức trung bình trong bối cảnh các rủi ro địa chính trị chưa hạ nhiệt, chính sách tiền tệ thận trọng tiếp tục được nhiều nền kinh tế lớn thực hiện đã ảnh hưởng tới hoạt động thương mại, đầu tư và triển vọng tăng trưởng toàn cầu trong dài hạn.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam nổi lên như một điểm sáng với khả năng thích ứng linh hoạt và nền tảng vĩ mô ổn định. Năm 2025, tăng trưởng GDP đạt khoảng 8,02%, thuộc nhóm cao nhất khu vực và thế giới; quy mô nền kinh tế tiếp tục mở rộng với động lực tăng trưởng chính đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của khu vực sản xuất – xuất khẩu, hiệu quả lan tỏa của đầu tư công, sự ổn định của dòng vốn FDI và niềm tin tiêu dùng nội địa từng bước được cải thiện. Lĩnh vực xây dựng ghi nhận những tín hiệu phục hồi rõ nét, đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt trong các lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng và đô thị. Thị trường bất động sản từng bước lấy lại đà tăng trưởng khi các vướng mắc pháp lý dần được tháo gỡ, nguồn cung được cải thiện và niềm tin của nhà đầu tư, khách hàng từng bước phục hồi.

Trong bối cảnh đó, VINACONEX đã chủ động nắm bắt cơ hội, phát huy lợi thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng và đầu tư kinh doanh động sản. Với chiến lược điều hành linh hoạt, kiểm soát rủi ro chặt chẽ và năng lực triển khai dự án đã được khẳng định, Tổng công ty đã đạt những kết quả rất tích cực trong hoạt động SXKD năm 2025. Các lĩnh vực cốt lõi đều có sự cải thiện về hiệu quả, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung, qua đó tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín của VINACONEX trên thị trường, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2025

Bằng sự nỗ lực của toàn hệ thống, năm 2025 ghi nhận việc VINACONEX hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu SXKD chính được ĐHCĐ giao, trong đó doanh thu và lợi nhuận đạt mức cao nhất trong lịch sử 37 năm xây dựng và phát triển (số liệu chi tiết được trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng giám đốc trình ĐHCĐ).

Tổng công ty tiếp tục khẳng định vị thế nhà thầu hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng giao thông. Hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản được duy trì ổn định, đảm bảo hiệu quả khai thác vận hành đối với các dự án sau đầu tư, đồng thời xây dựng phương án phân kỳ đầu tư các dự án mới phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Hoạt động đầu tư tài chính, tái cấu trúc doanh nghiệp tiếp tục mang lại hiệu quả tích cực, góp phần đảm bảo năng lực tài chính cho Tổng công ty, cũng như mở ra những cơ hội và định hướng phát triển mới, trong đó điểm nhấn là việc Tổng công ty mua lại phần vốn nhà nước tại Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam (VIWASEEN). Văn hóa doanh nghiệp được duy trì và phát triển; việc làm và thu nhập của người lao động được cải thiện; quyền lợi của các cổ đông được đảm bảo.



II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty (HĐQT)

HĐQT đã thực hiện vai trò quản lý toàn diện tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của VINACONEX theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị của Tổng công ty, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của doanh nghiệp. Từng thành viên HĐQT đều phát huy được năng lực, vai trò trong lĩnh vực được phân công phụ trách. Năm 2025, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ hàng quý với tổng số 5 cuộc họp và thực hiện 56 lần xin ý kiến bằng văn bản, trên cơ sở đó đã ban hành 61 nghị quyết và quyết định để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Ban Kiểm soát được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của HĐQT. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đúng quy định và được công bố thông tin đầy đủ, kịp thời.

Căn cứ yêu cầu công việc, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc bầu ông Trần Đình Tuấn – Thành viên HĐQT, giữ chức danh Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 13/2/2026 thay thế cho ông Nguyễn Hữu Tới. Hiện nay, 02 thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc tạm thời không thể thực hiện được chức trách, nhiệm vụ (nội dung chi tiết đã được Tổng công ty công bố thông tin ngày 07/3/2026).

Một số kết quả hoạt động nổi bật của HĐQT trong năm 2025:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của HĐQT trong công tác quản trị theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; chỉ đạo, phối hợp với Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty và các công ty thành viên theo quy định.
- Chỉ đạo lập Báo cáo thường niên 2024; Báo cáo quản trị năm 2025;
- Phê duyệt việc lựa chọn và ký hợp đồng với công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty; Chỉ đạo việc lập Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025.
- Chỉ đạo thực hiện việc thanh toán cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt (8%) và bằng cổ phiếu (8%); niêm yết bổ sung cổ phiếu VCG tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Chỉ đạo thực hiện thủ tục thay đổi ngành, nghề kinh và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty (lần thứ 15).
- Chỉ đạo thực hiện việc thay đổi mẫu dấu pháp nhân của Tổng công ty.
- Phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2025, 2026.
- Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với ông Lê Văn Huy và ông Nguyễn Hải Đăng; bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính đối với bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang; bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính – Kế hoạch đối với bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.
- Phê duyệt tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CPXD số 12; chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển du lịch VINACONEX (VINACONEX ITC); mua 98,16% vốn điều lệ của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam (VIWASEEN).

- Chỉ đạo tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 37 năm ngày thành lập Tổng công ty (27/9/1988 - 27/9/2025); Phối hợp tổ chức thành công Đại hội nhiệm kỳ của Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Tổng công ty, góp phần duy trì và phát triển văn hoá doanh nghiệp và lan tỏa thương hiệu VINACONEX trong cộng đồng xã hội.

2. Về hoạt động của từng thành viên HĐQT

Đề nghị Quý cổ đông xem tại Phụ lục 1 gửi kèm báo cáo này.

3. Các cuộc họp và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

Đề nghị Quý cổ đông xem chi tiết tại Báo cáo quản trị năm 2025 của Tổng công ty được đăng tải trên website của Tổng công ty tại địa chỉ www.vinaconex.com.vn.

4. Thù lao của từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Đề nghị Quý cổ đông xem tại Báo cáo thường niên năm 2025 của Tổng công ty được đăng tải trên website của Tổng công ty tại địa chỉ www.vinaconex.com.vn.

III. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc chức năng giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng giám đốc, đã điều hành hoạt động SXKD theo Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Đăng ký kinh doanh của Tổng công ty. HĐQT đánh giá Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ người đại diện pháp luật của Tổng công ty.

Một số điểm nổi bật trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc trong năm 2025:

- Về hoạt động xây lắp:

Công tác đấu thầu và phát triển dự án tiếp tục đạt mục tiêu đề ra với tổng giá trị hợp đồng trúng thầu và ký mới đạt trên 9.200 tỷ đồng, đảm bảo nguồn việc làm xây lắp trong các năm tiếp theo. Một số gói thầu lớn VINACONEX đã triển khai trong năm gồm: Dự án mở rộng cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn La Sơn – Hoà Liên; Dự án mở rộng đoạn cao tốc TP Hồ Chí Minh – Long Thành, Dự án cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng (đoạn qua Nam Định, Thái Bình); các gói thầu thuộc Dự án phát triển Đại học Quốc gia Việt Nam – Tiểu dự án Đại học Quốc gia Hà Nội... Đối với mảng dự án có nguồn vốn đầu tư nước ngoài, Tổng công ty đã ký kết hợp đồng thi công Nhà xưởng cho Công ty TNHH Công nghệ Kim loại Macking, đồng thời tích cực mở rộng quan hệ hợp tác, làm việc với các tổng thầu và chủ đầu tư quốc tế đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản nhằm phát triển thị phần trong chuỗi dự án FDI – một phân khúc yêu cầu cao về kỹ thuật, quản trị và tính chuyên nghiệp.

Các dự án do Tổng công ty thi công luôn hoàn thành đúng hoặc vượt tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn lao động, khẳng định vị thế hàng đầu của VINACONEX trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng giao thông. Công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ tiếp tục được thực hiện tốt, góp phần tăng hiệu quả hoạt động xây lắp của Tổng công ty.

Song song với việc nâng cao năng lực thi công, Tổng công ty đã đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số nhằm từng bước hoàn thiện mô hình quản lý dự án xây lắp hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm thất thoát lãng phí. Công tác đào tạo nguồn nhân lực để tìm kiếm cơ hội trong các lĩnh vực mới như đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao đã cơ bản hoàn thành.

- Về hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản:



Hoạt động cho thuê đất, thuê hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc và các diện tích văn phòng tại TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh vẫn được Tổng công ty duy trì hiệu quả tốt. Đối với một số dự án bất động sản nghỉ dưỡng, Tổng công ty đang xây dựng lại kế hoạch triển khai để đảm bảo hiệu quả đầu tư cho Tổng công ty. Công tác bán hàng tại một số dự án như VINACONEX Diamond (Hà Nội), Vera City (TP Móng Cái – Quảng Ninh) được đẩy mạnh để ghi nhận một phần doanh thu, lợi nhuận trong năm 2025. Dự án Khu công nghiệp Đông Anh đang khẩn trương hoàn thành các thủ tục pháp lý để triển khai trong thời gian tới.

Cùng với sự phục hồi của thị trường bất động sản, Tổng công ty đã đẩy mạnh việc tìm kiếm, phát triển một số dự án mới tại TP Hà Nội và một số địa phương trong cả nước; chỉ đạo các Công ty thành viên như VINACONEX 1, VINACONEX 25 khẩn trương hoàn thành thủ tục pháp lý cần thiết để đẩy nhanh công tác đầu tư, đưa sản phẩm ra thị trường trong năm 2026.

- **Về hoạt động đầu tư tài chính:**

Hoạt động đầu tư tài chính trong năm 2025 tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực, trong đó điểm nhấn là Tổng công ty hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch VINACONEX. Với việc hợp tác đầu tư phát triển chuỗi Bệnh viện Quốc tế Aegis và thực hiện mua 98,16% vốn điều lệ của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam (VIWASEEN) vào tháng 12/2025, VINACONEX đang từng bước chuyển trọng tâm đầu tư tài chính vào vào các lĩnh vực phát triển bền vững và an sinh xã hội (giáo dục, nước sạch, xử lý nước thải và môi trường).

Bên cạnh công tác tái cấu trúc vốn, công tác tài chính, quản lý dòng tiền của Tổng công ty được thực hiện minh bạch, hiệu quả, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty, không để xảy ra nợ quá hạn với các tổ chức tín dụng. Công tác quản trị hoạt động các công ty thành viên được tăng cường, góp phần đảm bảo nguồn thu cổ tức cho Tổng công ty.

- **Các hoạt động khác**

Công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin được thực hiện công khai, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên Tổng công ty tiếp tục được duy trì. Người lao động được đảm bảo việc làm đầy đủ, ổn định với mức thu nhập khá so với mặt bằng chung trong ngành. Việc cung cấp thông tin về hoạt động của doanh nghiệp cho cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện đầy đủ, kịp thời, minh bạch.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- Biến động mạnh về giá nguyên vật liệu đầu vào trong năm 2025 và việc tăng giá xăng, dầu vào cuối năm 2025 gây ảnh hưởng tiêu cực cả về tiến độ và hiệu quả kinh tế của các dự án xây lắp, nhất là các dự án hạ tầng giao thông,
- Do sự phát triển nóng các dự án bất động sản quy mô lớn tại các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh đã khiến nhu cầu nhân sự và đơn giá nhân công tăng đột biến, khiến các doanh nghiệp phải đối mặt với nguy cơ mất nguồn nhân lực hoặc phải tham gia cuộc đua về chi phí nhân công.
- Thị trường bất động sản tuy đã phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro nên hiệu quả của lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản của Tổng công ty tại một số dự án chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

V. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2025 và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2026, tạo đà cho Tổng công ty phát triển bứt phá trong giai đoạn đến năm 2030, HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm như sau:

- Chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2026 được ĐHĐCĐ phê duyệt; xây dựng các kịch bản quản trị - điều hành linh hoạt để đạt mục tiêu tăng trưởng trên cả 3 lĩnh vực hoạt động chính: xây dựng - đầu tư bất động sản - đầu tư tài chính.
- Trong lĩnh vực xây dựng: Tập trung nguồn lực hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả các dự án xây lắp hiện có; đẩy mạnh tham gia các dự án FDI để duy trì nguồn việc làm; tìm kiếm cơ hội tham gia các dự án xây dựng đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao, dự án nhà ở xã hội. Tiếp tục tập trung làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ, quyết toán các dự án theo tiến độ hoàn thành.
- Trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản: tiếp tục khai thác có hiệu quả các diện tích văn phòng thương mại, hạ tầng khu công nghiệp hiện có; triển khai nhanh việc đầu tư xây dựng, kinh doanh một số dự án bất động sản mới, bám sát tình hình cung cầu của thị trường bất động sản trong nước để có chiến lược đầu tư phù hợp.
- Tiếp tục đảm bảo ổn định tình hình tài chính, thu xếp đủ vốn cho các kế hoạch phát triển của Tổng công ty; rà soát và nâng cao công tác quản lý hoạt động của các đơn vị trong toàn hệ thống; thực hiện hoạt động mua bán – sáp nhập theo định hướng ưu tiên các ngành nghề mang tính phát triển bền vững, an sinh xã hội (giáo dục, bệnh viện, nước sạch và xử lý nước thải).
- Đẩy mạnh công tác truyền thông để quảng bá hình ảnh, thương hiệu của VINACONEX.
- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện bộ máy nhân sự HĐQT, Ban Tổng giám đốc và nhân sự chủ chốt khác của trong toàn hệ thống.
- Đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng.

Trên hành trình 37 năm xây dựng và phát triển, HĐQT Tổng công ty trân trọng cảm ơn quý vị cổ đông, nhà đầu tư, đối tác đã luôn đồng hành, ủng hộ VINACONEX, đồng thời mong muốn tiếp tục nhận được sự chia sẻ của quý vị để VINACONEX có thể mạnh mẽ bứt phá, gặt hái được nhiều thành tựu hơn nữa trong chặng đường phát triển phía trước.

HĐQT xin trân trọng báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu: VP, TKTH.



PHỤ LỤC 1: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2025

I. CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự/ủy quyền tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Hữu Tới	Chủ tịch	5/5	100%
2	Nguyễn Xuân Đông	Thành viên	5/5	100%
3	Dương Văn Mậu	Thành viên	5/5	100%
4	Trần Đình Tuấn	Thành viên	3/3	100%
5	Lê Minh Tú	Thành viên độc lập	3/3	100%

Ghi chú: Ngày 13/02/2026, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 438/2026/QĐ-HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty đối với ông Nguyễn Hữu Tới và Quyết định số 439/2026/QĐ-HĐQT về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty đối với ông Trần Đình Tuấn.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

1. Ông Nguyễn Hữu Tới – Chủ tịch HĐQT

- ✓ Chỉ đạo việc lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; Chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp ĐHCĐ, HĐQT, Chủ tọa họp ĐHCĐ, HĐQT.
- ✓ Ký ban hành các Quyết định thay mặt HĐQT và các vấn đề được HĐQT phân công theo Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.
- ✓ Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; chỉ đạo việc xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản về các vấn đề cần quyết nghị trong thời gian giữa các phiên họp HĐQT định kỳ để kịp thời đáp ứng yêu cầu SXKD của Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện các quyền, nhiệm vụ được HĐQT ủy quyền theo Quy chế hoạt động của HĐQT.
- ✓ Phụ trách công tác chiến lược phát triển chung của Tổng công ty.
- ✓ Phụ trách Tiểu ban Chiến lược và Con người.

2. Ông Nguyễn Xuân Đông – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

- ✓ Thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; Trực tiếp chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động SXKD của Tổng công ty trên cơ sở kế hoạch được ĐHCĐ phê duyệt, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

✓ Thực hiện nhiệm vụ do HĐQT ủy quyền cho Tổng giám đốc theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.

✓ Phụ trách Tiểu ban Nguồn vốn và Ngân sách.

3. Ông Trần Đình Tuấn – Thành viên HĐQT

✓ Thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.

✓ Phụ trách Tiểu ban Quản lý và Phát triển thương hiệu.

4. Ông Dương Văn Mậu – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc thường trực

✓ Thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.

✓ Phụ trách Tiểu ban Đầu tư và Phát triển thị trường, Tiểu ban Khoa học và Công nghệ.

5. Ông Lê Minh Tú – Thành viên độc lập HĐQT

✓ Thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.

✓ Phụ trách Tiểu ban Đãi ngộ và Chính sách.

10

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ:

- Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng công ty”);
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty;
- Báo cáo tài chính (“BCTC”) riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2025.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Tổng công ty trong năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2025

1. Cơ cấu tổ chức Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty trong năm 2025 bao gồm:

- Ông Vũ Văn Mạnh - Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Chu Quang Minh - Kiểm soát viên
- Bà Trần Thị Kim Oanh - Kiểm soát viên

2. Kết quả Hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

Trong năm 2025, các Kiểm soát viên và Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành, cụ thể:

- Làm việc với Công ty Kiểm toán độc lập về kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 của Tổng công ty;
- Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, thẩm định Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (“SXKD”) của Tổng công ty năm 2024; Thông qua các Báo cáo/Tờ trình của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Phối hợp với HĐQT, Ban điều hành trong công tác chuẩn bị tài liệu và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty;
- Thảo luận và kiến nghị Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty trên cơ sở danh sách Công ty Kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua;

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty;
- Thẩm định các Báo cáo tài chính của Tổng công ty năm 2025;
- Theo dõi việc công bố thông tin của Tổng công ty;
- Nghiên cứu, tham gia ý kiến (nếu cần) đối với các Tờ trình, Phiếu xin ý kiến Hội đồng quản trị của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty;
- Các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Thù lao của Ban Kiểm soát: Đề nghị Quý cổ đông xem tại Báo cáo thường niên năm 2025 của Tổng công ty được đăng tải trên website của Tổng công ty.

Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát: Đề nghị Quý cổ đông xem tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 của Tổng công ty được đăng tải trên website của Tổng công ty.

II. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty, cụ thể:

- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được tham gia ý kiến đối với các vấn đề nêu tại cuộc họp.
- Trưởng Ban Kiểm soát được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng giám đốc.
- Ban Kiểm soát được cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty.

III. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty. Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định thông qua các cuộc họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty ban hành tuân thủ đúng quy định về thẩm quyền, số lượng thành viên dự họp; các cuộc họp đều được lập biên bản.

Chi tiết các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đề nghị Quý cổ đông xem tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 của Tổng công ty đã được đăng tải trên website của Tổng công ty.

Hiện nay, 02 thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty không thực hiện được chức trách, nhiệm vụ được giao, nội dung chi tiết đã được Tổng công ty công bố thông tin trên website của Tổng công ty và Sở GDCK TP. HCM.

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng như sau:
 - Thông qua chương trình, nội dung và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
 - Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2026; phê duyệt phương án vay vốn tại các Ngân hàng TMCP;
 - Phê duyệt phương án mua 98,16% vốn điều lệ của Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam; tái cấu trúc vốn tại các doanh nghiệp (VC 12, ITC);

- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2024 và triển khai phương án tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024; thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Tổng công ty;
 - Kiện toàn nhân sự đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty thành viên; kiện toàn nhân sự Ban điều hành của Tổng công ty;
 - Quyết định phê duyệt lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán các BCTC năm 2025 của Tổng công ty;
 - Phê duyệt quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng công ty;
 - Thay đổi mẫu dấu pháp nhân của Tổng Công ty;
 - Phê duyệt cho vay vốn nhân rồi của Tổng công ty;
 - Phê duyệt các nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư, xây lắp và các hoạt động kinh doanh khác của Tổng công ty.
- Chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là rất tích cực, đảm bảo vai trò quản lý toàn diện tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của doanh nghiệp. HĐQT đã chỉ đạo, giám sát và cùng Ban Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện nhiều giải pháp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao và đã đạt được kết quả tích cực.

IV. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Điều hành năm 2025

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

- Về thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Công ty mẹ: Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 15.169 tỷ đồng và 3.453 tỷ đồng, đạt 132% và 345% kế hoạch, bằng 156% và 401% so với thực hiện năm 2024; tỷ lệ cổ tức đang trình ĐHĐCĐ phê duyệt là 16%, bằng 100% kế hoạch.

Hợp nhất Tổng công ty: Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt là 19.869 tỷ đồng và 3.865 tỷ đồng, đạt 128% và 322% kế hoạch, bằng 151% và 349% so với thực hiện năm 2024.

- Về hoạt động xây lắp:

Năm 2025, Tổng công ty tiếp tục trúng thầu nhiều công trình lớn với giá trị trúng thầu đạt trên 9.200 tỷ đồng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Một số gói thầu lớn VINACONEX đã trúng trong năm gồm: Dự án mở rộng cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn La Sơn – Hòa Liên; Đường Kim Long - Bình Ba; Dự án mở rộng đoạn cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành; Dự án cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (đoạn qua Nam Định, Thái Bình); Dự án Mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau; một số gói thầu thuộc Dự án Phát triển các Đại học Quốc gia Việt Nam - Tiểu dự án Đại học Quốc gia Hà Nội. Bên cạnh đó, Tổng công ty tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan để phát triển thị phần đối với dự án FDI.



Ban Tổng giám đốc tiếp tục tăng cường thực hiện công tác quản trị, chủ động triển khai chuyển đổi số trong hoạt động xây lắp, nâng cao chất lượng, tiến độ, hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2025, Tổng công ty đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng nhiều công trình, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau; Các công trình do Tổng công ty triển khai thi công trong năm 2025 về cơ bản đều đạt và vượt tiến độ, chất lượng và an toàn lao động được đảm bảo giúp nâng cao uy tín, thương hiệu VINACONEX. Công tác chuẩn bị cho việc tham gia các dự án xây lắp thuộc lĩnh vực mới cũng được Tổng công ty chú trọng thực hiện.

Công tác nghiệm thu tiếp tục được thực hiện tốt với giá trị doanh thu hoạt động xây lắp ghi nhận trong năm 2025 là 11.469 tỷ đồng (tăng 2.195 tỷ đồng so với thực hiện năm 2024); công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ được Tổng công ty tiếp tục tích cực thực hiện.

- *Về hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản:*

Hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản của Tổng công ty năm 2025 tiếp tục đạt kết quả tích cực, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh chung của Tổng công ty; doanh thu kinh doanh bất động sản ghi nhận trong năm 2025 là 1.582 tỷ đồng (tăng 510 tỷ đồng so với thực hiện năm 2024). Trong đó: Dự án Vinaconex Diamond Tower (tại 459C phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) phần lớn đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng, đưa vào sử dụng; Dự án Vera City (TP Móng Cái – Quảng Ninh) tiếp tục bán hàng và ghi nhận kết quả kinh doanh trong năm 2025 và các năm tiếp theo; Dự án đầu tư xây dựng công trình TMDV, văn phòng, khách sạn cao cấp Capital One (tại Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, phường Định Công, Hà Nội) đang thực hiện triển khai thi công đầu tư xây dựng phần ngầm, ... Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động cho thuê đất, hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc; khai thác có hiệu quả các diện tích văn phòng cho thuê tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, và nhiều địa phương khác.

Trong năm 2025, Tổng công ty đã đẩy mạnh công tác tìm kiếm, phát triển một số dự án mới trong lĩnh vực bất động sản khu đô thị và khu công nghiệp tại Hà Nội và một số địa phương trong cả nước; chỉ đạo các Công ty thành viên như VINACONEX 1, VINACONEX 25 khẩn trương hoàn thành thủ tục pháp lý cần thiết để đẩy nhanh công tác đầu tư, sớm đưa sản phẩm BĐS ra thị trường.

- *Hoạt động đầu tư tài chính:*

Hoạt động tái cấu trúc vốn đầu tư được Tổng công ty được tiếp tục thực hiện: tái cấu trúc phần vốn của VINACONEX tại Công ty CPXD số 12; chuyển nhượng phần vốn góp của VINACONEX tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển du lịch VINACONEX (VINACONEX ITC); mua 98,16% vốn điều lệ của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam (VIWASEEN).

Tổng công ty tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo hoạt động các công ty thành viên giúp nâng cao hiệu quả và hạn chế rủi ro trong hoạt động tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Năm 2025, phần lớn các công ty con đều kinh doanh có lãi, các công ty có lợi nhuận cao bao gồm: Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư; Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng; Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 (NEDI2), Công ty CP Viwaco, Công ty TNHH MTV Giáo dục Lý Thái Tổ, Công ty CP Bách Thiên Lộc.

Hoạt động tái cấu trúc vốn đầu tư và đầu tư tài chính đóng góp lớn vào hiệu quả SXKD của Tổng công ty năm 2025.

- *Công tác tài chính:*

Công tác quản lý và sử dụng dòng tiền hợp lý, các khoản vay đều được trả nợ đúng hạn.

Tổng công ty tiếp tục duy trì mở rộng hợp tác với các Ngân hàng, Tổ chức tài chính để thu xếp đủ nguồn vốn đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Công tác lập, kiểm toán và công bố các Báo cáo tài chính được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Hoạt động khác:*

Tổng công ty tiếp tục chú trọng và tăng cường công tác quản trị, pháp chế, truyền thông; Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên Tổng công ty tiếp tục được duy trì. Việc làm, tiền lương, thu nhập và các chế độ cho người lao động được đảm bảo.

Ban Kiểm soát đánh giá Ban điều hành Tổng công ty năm 2025 hoạt động rất tích cực, điều hành Tổng công ty sản xuất kinh doanh đạt kết quả tăng trưởng vượt bậc so với năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

V. Thảm định Báo cáo tài chính năm 2025

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và được đăng tải trên website của Tổng công ty.
- Ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bên cạnh đó, Kiểm toán viên nêu vấn đề cần nhấn mạnh, theo đó lưu ý người đọc đến đến Thuyết minh số 38 của Báo cáo tài chính riêng, Thuyết minh số 42 của Báo cáo tài chính hợp nhất về các sự kiện liên quan đến thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ý kiến kiểm toán của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

- Ban Kiểm soát đồng ý với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

2. Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất

Đề nghị Quý cổ đông xem tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Tổng công ty đăng tải trên website của Tổng công ty.

VI. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH Năm 2025
1. Hợp nhất Tổng công ty				
- Tổng doanh thu, thu nhập	13.176	15.500	19.869	128%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.108	1.200	3.865	322%
2. Công ty mẹ				
- Tổng Doanh thu, thu nhập	9.746	11.500	15.169	132%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	861	1.000	3.453	345%
- Cổ tức	16%	16%	Dự kiến 16%	100%

(Số liệu kết quả kinh doanh theo BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán)

2. Thực hiện các nội dung khác

Các nội dung đã thực hiện:

- Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán các BCTC của Tổng công ty năm 2025.
- Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024: chi trả cổ tức bằng tiền mặt 8% và tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (8%).
- Thực hiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ; điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo kết quả thực tế của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh.
- Chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024.
- Thực hiện ban hành Điều lệ sửa đổi năm 2025 của Tổng công ty theo nội dung được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phê duyệt.

VII. Kiến nghị

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Trước bối cảnh địa chính trị toàn cầu diễn biến phức tạp cùng sự biến động khó lường của chi phí đầu vào (nhiên liệu, vật tư, nhân công, ...), đề nghị Tổng công ty xây dựng cơ chế cảnh báo sớm và biện pháp phòng vệ chủ động nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Tiếp tục tối ưu hóa quy trình quản lý, thực hiện chuyển đổi số và áp dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo vào quản trị, điều hành để nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Tiếp tục mở rộng hợp tác với các tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các kế hoạch phát triển của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục rà soát và thực hiện công tác tái cấu trúc lại các đơn vị thành viên, tăng cường công tác quản trị tại các đơn vị để nâng cao hiệu quả đầu tư vốn. Mở rộng quy mô và nâng cao vị thế của Tổng công ty thông qua hoạt động mua bán - sáp nhập và hợp tác với đối tác tiềm năng.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Tổng Công ty năm 2025. Ban Kiểm soát xin chân thành cảm ơn các Quý cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ công nhân viên Tổng công ty đã phối hợp, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ trong năm vừa qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Các thành viên BKS;
- Lưu: VP.



**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Vũ Văn Mạnh



Số: **1059/2026/TTr-BKS**

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây Dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty");
- Kết quả thẩm tra của Ban Kiểm soát về công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn một Công ty trong danh sách các công ty sau để thực hiện soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
- Hoặc một công ty khác trong Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
- Lưu BKS, VP.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Vũ Văn Mạnh

Số: 1060 /2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v: Thông qua phương án chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ Điều 06 - Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ĐHĐCĐ) về việc Thông qua phương án chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) năm 2025 không vượt quá 5% tổng thu nhập và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xác định mức tiền lương/thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT và BKS trên cơ sở Quy chế phân phối tiền lương, thù lao của Tổng công ty;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Tổng công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

1. Tình hình thực hiện chi trả tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã chỉ đạo, phối hợp với Ban Tổng giám đốc thực hiện tốt công tác quản lý – điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty. Cùng với các hoạt động của HĐQT, BKS đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao, hỗ trợ tích cực HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản trị rủi ro trong toàn hệ thống VINACONEX.

Căn cứ kết quả doanh thu, lợi nhuận đạt được năm 2025 của Công ty mẹ, HĐQT đã chủ động cân đối chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS như sau:

Chức danh	Tiền lương đối với thành viên chuyên trách (đồng)	Phụ cấp đối với thành viên độc lập HĐQT (đồng)	Thù lao đối với thành viên kiêm nhiệm (đồng)	Tổng cộng (đồng)
HĐQT	2.221.473.334	450.000.000	448.000.000	3.119.473.334
Ban kiểm soát	1.210.460.085		100.800.000	1.311.260.085
TỔNG CỘNG	3.431.933.419	450.000.000	548.800.000	4.430.733.419

HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ phê duyệt chi tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2025 là **4.430.733.419** đồng (tương đương 88,6% mức chi tối đa được ĐHĐCĐ phê duyệt).

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2026

Bước sang năm 2026, HĐQT, BKS và Ban điều hành sẽ tiếp tục nâng cao hơn nữa công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành nhằm duy trì quy mô và tốc độ tăng trưởng của Tổng công ty trên cả ba lĩnh vực trụ cột là xây lắp – bất động sản – đầu tư tài chính, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm như: tiếp tục mở rộng nguồn việc xây lắp, triển khai công tác đầu tư các dự án bất động sản khu công nghiệp, nhà ở xã hội, nhà ở thương mại, trường học, bệnh viện tại TP. Hà Nội và một số địa phương trong cả nước; vận hành an toàn, hiệu quả các dự án năng lượng, nước sạch; tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc vốn nhằm tập trung nguồn lực, tối ưu hoá hiệu quả sử dụng nguồn vốn, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2026 được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Căn cứ quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, để đảm bảo mức thù lao, tiền lương phù hợp với tình hình thực tế cũng như thực hiện nhiệm vụ được giao, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch chi trả tổng tiền lương/thù lao HĐQT và BKS năm 2026 không vượt quá 5 tỷ đồng và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xác định mức tiền lương/thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT, BKS trên cơ sở Quy chế phân phối tiền lương, thù lao của Tổng công ty, báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên tiếp theo.

HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VP, PTNL.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Đình Tuấn



TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2025;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX);
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty cổ phần VINACONEX đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần VINACONEX kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 3.492.958.991.953 đồng;

2. Chia cổ tức theo tỷ lệ 16% : 1.034.349.337.600 đồng;

Trong đó, 8% bằng tiền mặt và 8% bằng cổ phiếu

3. Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối (=1-2) : 2.458.609.654.353 đồng;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện phù hợp với Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu VP, TKTH, TCKH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Đình Tuấn

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Nhằm mục đích tăng cường năng lực sản xuất, phát huy tối đa nguồn lực và đảm bảo hỗ trợ triển khai các kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("VINACONEX"), Hội đồng quản trị ("HĐQT") Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2026 xem xét và thông qua nội dung tăng vốn như sau:

I. Phương án tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

- Tên cổ phiếu:* Cổ phiếu Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
- Mã cổ phiếu:* VCG
- Loại cổ phiếu:* Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá:* 10.000 đồng/cp
- Vốn điều lệ hiện tại:* 6.464.683.360.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu quỹ:* 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:* 646.468.336 cổ phiếu
- Mục đích phát hành:* Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông hiện hữu.
- Tỷ lệ trả cổ tức:* Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 8% (nghĩa là vào ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 8 cổ phiếu phát hành thêm), tương ứng tỷ lệ cổ tức 8% trên mệnh giá.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:* 51.717.466 cổ phiếu (Năm một triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, bốn trăm sáu sáu cổ phiếu).
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành tính theo mệnh giá:* 517.174.660.000 đồng (Năm trăm mười bảy tỷ, một trăm bảy bốn triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Nguồn vốn được sử dụng để phát hành cổ phiếu trả cổ tức:* Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 là:* 6.981.858.020.000 đồng (Sáu nghìn chín trăm tám một tỷ, tám trăm năm tám triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).



14. *Đối tượng phát hành:* Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
15. *Phương thức phát hành:* Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
16. Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
17. *Xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ (nếu có):* Cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị và theo nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 119 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là: $(119 \times 8)/100 = 9,52$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 9 cổ phiếu. Phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ là 0,52 cổ phiếu sẽ bị hủy.
18. *Thời gian dự kiến phát hành:* dự kiến trong năm 2026 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
19. *Địa điểm thực hiện:*
 - + Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Cổ phiếu sẽ được phân bổ về tài khoản mà cổ đông đã mở tại các thành viên lưu ký.
 - + Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: Cổ đông làm thủ tục nhận cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (địa chỉ: Phòng Đối ngoại & Quan hệ cổ đông, Phòng 2403, Tầng 24, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng, Hà Nội. Khi đến, người sở hữu cần mang theo căn cước công dân/hộ chiếu và sổ cổ đông).
20. *Thời gian dự kiến hoàn thành:* Dự kiến thực hiện chia cổ tức năm 2025 trong năm 2026 hoặc cho đến khi VINACONEX hoàn thành các thủ tục theo quy định pháp luật.
21. *Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung:* Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM ("HSX") theo đúng quy định của Pháp luật.

II. Ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị quyết định phương án phát hành cụ thể, triển khai thực hiện, tổ chức thực hiện phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Tổng công ty VINACONEX, phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, trên cơ sở hài hòa lợi ích của cổ đông, thực hiện các thủ tục có liên quan với các cơ quan có thẩm quyền để triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty VINACONEX phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề sau:

- Quyết định thời gian phát hành và thực hiện việc phát hành phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Tổng công ty;
- Chủ động lựa chọn ngày chốt danh sách để thực hiện quyền phù hợp với quy định của pháp luật;

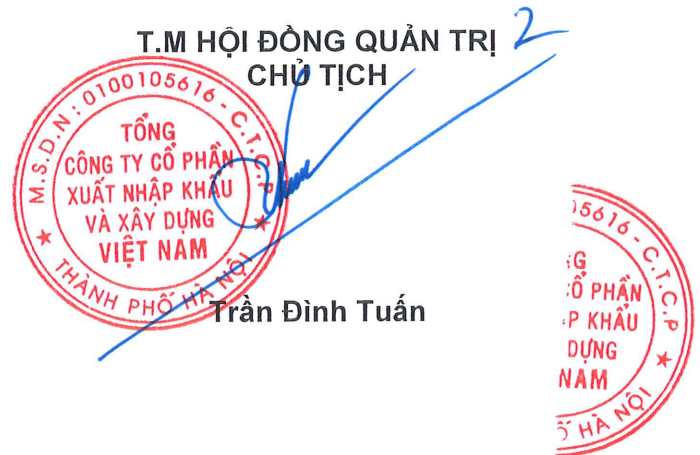
- Thực hiện việc xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ (nếu có);
- Sửa đổi điều khoản quy định về mức vốn điều lệ và tình hình sở hữu cổ phần của các cổ đông trong Điều lệ Tổng công ty đúng mức vốn điều lệ tăng lên sau khi kết thúc đợt phát hành;
- Quyết định tất cả các vấn đề cần thiết để thực hiện và hoàn thành thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo kết quả thực tế của đợt phát hành với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Thực hiện việc đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm;
- Chủ động tiến hành các công việc, thủ tục khác mà HĐQT thấy cần thiết để thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như k/g;
- BKS;
- Lưu: QLGS, VP.



Số: **1063/2026/TTr-HĐQT**

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch giữa Tổng công ty CP VINACONEX với các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn kinh tế/nhóm VINACONEX trong năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Tổng công ty CP VINACONEX và các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty hoạt động theo mô hình Tập đoàn kinh tế / Tổng công ty, là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác.

Dưới mô hình hoạt động Tập đoàn kinh tế / Tổng công ty, Tổng công ty CP VINACONEX là Công ty mẹ, thực hiện vai trò định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, phát triển thương hiệu của cả hệ thống; Các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống được phân chia hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo định hướng chiến lược chung của Tổng công ty.

Để tiếp tục phát huy được thế mạnh hoạt động theo mô hình Tập đoàn kinh tế / Tổng công ty và đồng thời đảm bảo sự kết nối và phối hợp hoạt động giữa Công ty mẹ - Tổng công ty CP VINACONEX với các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung sau:

1. Phê duyệt chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch trong tương lai giữa Tổng công ty CP VINACONEX với các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty trong năm 2026 (theo Danh sách chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm) theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty được quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của các hợp đồng, giao dịch tại Mục 1 nêu trên, bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các hợp đồng, giao dịch đó.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 010010561
TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đình Tuấn

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT
CỦA TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX

TT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ đăng ký (VND)	Ghi chú
I	CÔNG TY CON		
1	Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng	800.000.000.000	
2	Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư	1.500.000.000.000	
3	Công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Bohemia Hà Nội	136.973.815.950	Công ty con của Vinaconex Đầu tư
4	Công ty CP Bất động sản Vinaconex	440.000.000.000	Công ty con của Vinaconex Đầu tư
5	Công ty CP Xây dựng số 1	120.000.000.000	
6	Công ty CP Xây dựng số 17 Vinaconex	15.075.836.146	
7	Công ty CP Vinaconex 25	240.000.000.000	
8	Công ty CP Viwaco	479.999.950.000	
9	Công ty CP Vinaconex Dung Quất	47.980.430.000	
10	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	499.939.607.633	
11	Công ty CP Vinaconex Sài Gòn	61.014.930.000	
12	Công ty TNHH MTV Giáo dục Lý Thái Tổ	137.568.882.884	
13	Công ty CP Bách Thiên Lộc	500.000.000.000	
14	Công ty TNHH Vinaconex Capital One	600.000.000.000	
15	Công ty CP BOO Nước sạch Sa Pa	58.650.000.000	
16	Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam – CTCP (Viwaseen)	580.186.000.000	
17	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước (Waseco)	132.000.000.000	Công ty con của Viwaseen
18	Công ty CP Viwaseen 3	20.000.000.000	Công ty con của Viwaseen
19	Công ty CP Viwaseen 6	15.000.000.000	Công ty con của Viwaseen
20	Công ty CP khoan và xây lắp cấp thoát nước (Viwaseen 11)	9.300.000.000	Công ty con của Viwaseen



TT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ đăng ký (VND)	Ghi chú
21	Công ty CP xây lắp và Sản xuất thiết bị ngành nước (Viwaseen 14)	10.000.000.000	Công ty con của Viwaseen
22	Công ty CP Xây dựng số 16	15.000.000.000	
23	Công ty CP Vinaconex 27	17.792.770.000	
24	Công ty Xây dựng số 4	3.500.000.000	
25	Các công ty con khác của Tổng công ty CP Vinaconex (gia nhập vào nhóm Vinaconex trong tương lai thông qua việc thành lập mới hoặc thông qua giao dịch mua bán sáp nhập của Vinaconex)		
II	CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT		
1	Công ty CP Xây dựng số 12	116.360.000.000	
2	Công ty CP Xi măng Cẩm Phả	2.000.000.000.000	
3	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ đô thị Việt Nam	160.000.000.000	
4	Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	147.800.000.000	
5	Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội-Bắc Giang	496.322.400.000	
6	Công ty TNHH Bê tông nhựa Vinaconex – Tấn Lộc	30.000.000.000	
7	Công ty CP VIMECO	287.470.170.000	
8	Công ty CP Vinaconex Quảng Ninh	380.550.000.000	
9	Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt	27.804.767.765	Công ty liên kết của Viwaseen

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của
Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh nghiệp năm 2020”);
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng công ty CP Vinaconex”);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp cho Tổng công ty CP Vinaconex ngày 20/07/2025;
- Căn cứ yêu cầu thực tế về quản trị và điều hành doanh nghiệp.

1. Cơ sở pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty

Thực hiện Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty CP Vinaconex về nội dung tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025, Tổng công ty CP Vinaconex đã hoàn thành thủ tục pháp lý về Tăng vốn điều lệ và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, Tổng công ty CP Vinaconex đã được Phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Tp. Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 20/07/2025 về việc thay đổi Vốn điều lệ (theo Phụ lục 01 đính kèm).

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP thì một số nội dung liên quan đến quản trị công ty đại chúng đã được thay đổi, do đó các công ty đại chúng cần sửa đổi các tài liệu nội bộ để đảm bảo cập nhật và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tại thời điểm này.

Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu thực tế về quản trị và điều hành doanh nghiệp tại Tổng công ty, Tổng công ty cần thiết phải có 02 người đại diện theo pháp luật gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Đề xuất các nội dung sửa đổi Điều lệ năm 2026 của Tổng công ty

Để ghi nhận các thay đổi tại mục 1 nêu trên của Tờ trình vào Điều lệ của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty xem xét phê duyệt các nội dung sau:



- 2.1 Phê duyệt việc sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty với các nội dung sửa đổi như sau:
- Sửa đổi khoản 1 Điều 6 về vốn điều lệ của Tổng công ty trong Điều lệ của Tổng công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 20/07/2025.
 - Sửa đổi Điều 3 trong Điều lệ của Tổng Công ty về người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty với nội dung chính như sau:
 - Thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty từ 01 (một) người thành 02 (hai) người.
 - Các chức danh đảm nhiệm vai trò Người đại diện theo pháp luật bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
 - Quy định chi tiết quyền hạn và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật.
 - Sửa đổi khoản 3 Điều 29 trong Điều lệ của Tổng Công ty về quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Sửa đổi khoản 2 và khoản 4 Điều 35 trong Điều lệ của Tổng Công ty về quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.

Chi tiết các nội dung sửa đổi được nêu tại Phụ lục 02 – Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ năm 2026 của Tổng công ty đính kèm Tờ trình này.

- 2.2 Thông qua toàn văn Điều lệ năm 2026 của Tổng công ty (*dự thảo Điều lệ năm 2026 của Tổng công ty được đính kèm theo Phụ lục 03 của Tờ trình này*).
- 2.3 Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị – Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty ký ban hành Điều lệ năm 2026 của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 2.4 ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty căn cứ Điều lệ năm 2026 của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, triển khai thực hiện các thủ tục kê khai, nộp hồ sơ và làm việc với cơ quan đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Tp. Hà Nội để cập nhật nội dung thay đổi Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và các thủ tục khác có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Các tài liệu gửi kèm Tờ trình:

Phụ lục 01: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 20/07/2025;

Phụ lục 02: Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty năm 2026;

Phụ lục 03: Dự thảo Điều lệ Tổng công ty năm 2026.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG
VIỆT NAM
M.S.D.N: 0100105610 - C.T.C.T. PH. 01
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đình Tuấn

PHỤ LỤC 01

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 do Sở Tài chính TP. Hà Nội
cấp cho Tổng công ty CP VINACONEX ngày 20/07/2025**

0567
SỞ TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN
TẬP KHU
Y DỰNG
T NAM
HỒ HÀ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100105616

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 12 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 20 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIET NAM CONSTRUCTION AND IMPORT - EXPORT JOINT STOCK CORPORATION**

Tên công ty viết tắt: **VINACONEX.,JSC**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Toà nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462849234

SốFax: 02462849208

Thư điện tử:

Website: www.vinaconex.com.vn

3. Vốn điều lệ: 6.464.683.360.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bốn tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 646.468.336

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: **NGUYỄN XUÂN ĐÔNG**

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *29/12/1966*

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân : *001066002141*

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà A36, Lô BT6, Khu Đô thị Văn Quán, Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Hà Quý Sáng

PHỤ LỤC 02 – CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NĂM 2026 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX

(Đính kèm Tờ trình số 1064/2026/TTr-HĐQT ngày 02/04/2026 của Hội đồng quản trị)

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ NĂM 2025	NỘI DUNG CHÍNH ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ NĂM 2026	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Điều 3	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty</p> <p>1. Tổng công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là là Tổng giám đốc Tổng công ty.</p> <p>2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty</p> <p>1. Tổng công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty. Thẩm quyền, quyền hạn và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được phân định chi tiết theo các lĩnh vực quản trị và điều hành được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật và người đứng đầu cơ quan quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ cụ thể sau đây:</p> <p>a) Về công tác quản trị:</p> <p>(i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(ii) Quản trị định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và đầu tư trung, dài hạn của toàn Tổng công ty</p> <p>b) Về công tác tổ chức thực hiện:</p> <p>(i) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và chỉ đạo, giám sát quá trình Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định này;</p> <p>(ii) Tổ chức thực hiện, chỉ đạo và giám sát công việc kinh doanh của Tổng công ty và các Ban chức năng của Tổng công ty liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của</p>	<p>Theo khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp thì “<i>công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Nếu công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật.</i>”</p>

			<p>Tổng công ty, ngoại trừ lĩnh vực xây dựng/xây lắp do Tổng giám đốc trực tiếp điều hành hằng ngày;</p> <p>(iii) Chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng, đôn đốc thực hiện và phê duyệt các chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư trung và dài hạn trước khi trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>c) Về Tài chính, Kế toán, Thuế và Quản lý dòng tiền:</p> <p>Ngoại trừ các công tác tài chính, dòng tiền liên quan trực tiếp đến hoạt động xây lắp/xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng giám đốc, thì Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>(i) Là người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán, chịu trách nhiệm toàn diện và trực tiếp ký duyệt các báo cáo tài chính, chứng từ kế toán, chứng từ thuế của Tổng công ty, ngoại trừ các chứng từ kế toán, chứng từ/tờ khai thuế, hóa đơn GTGT phát sinh trực tiếp từ các hợp đồng, dự án xây lắp/xây dựng thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc;</p> <p>(ii) Quyết định và đại diện cho Tổng công ty trong việc việc mở, sử dụng và quản lý các tài khoản ngân hàng của Tổng công ty; quyết định các phương án huy động vốn, vay vốn, cho vay, cấp tín dụng, bảo lãnh, thế chấp, cầm cố tài sản và phát hành các loại chứng khoán phù hợp với thẩm quyền được Hội đồng quản trị phân cấp, ngoại trừ các hợp đồng cấp tín dụng cụ thể, hợp đồng bảo đảm tiền vay phục vụ trực tiếp cho từng gói thầu, dự án xây lắp/xây dựng được Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc;</p> <p>(iii) Trực tiếp ký duyệt các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chứng từ kế toán, chứng từ thuế và các văn bản giao dịch làm việc với cơ quan thuế, ngân hàng, tổ chức tín dụng, kiểm toán độc lập;</p> <p>(iv) Thực hiện việc mở, sử dụng các tài khoản ngân hàng của Tổng công ty và quyết định việc phân cấp hạn mức ký</p>	
--	--	--	--	--

			<p>duyet thanh toán trên các tài khoản này cho Tổng giám đốc theo quy chế tài chính nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>(v) Ký duyệt chi các khoản chi phí khác không thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.</p> <p>d) Về Đầu tư và Quản lý vốn tại doanh nghiệp khác:</p> <p>(i) Quyết định hoặc trình Hội đồng quản trị quyết định (theo phân cấp thẩm quyền) trong việc đầu tư vào các dự án Bất động sản, Hạ tầng, Công nghiệp; quyết định việc góp vốn, mua bán, sáp nhập (M&A), nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp/dự án khác;</p> <p>(ii) Phê duyệt phương án tái cấu trúc, chuyển nhượng, thoái vốn, thu hồi vốn đầu tư của Tổng công ty tại các dự án và tại các doanh nghiệp khác;</p> <p>(iii) Trực tiếp phê duyệt cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chỉ đạo và giám sát Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết và các doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty;</p> <p>(iv) Phê duyệt chủ trương và quyết định việc giao kế hoạch, giao khoán nội bộ cho khối Xây dựng (do Tổng giám đốc phụ trách) để tự thực hiện thi công các dự án do Tổng công ty làm Chủ đầu tư;</p> <p>(v) Đại diện cho Tổng công ty trong việc ký kết các văn bản, tài liệu liên quan đến các giao dịch nêu tại điểm d khoản 2 Điều này.</p> <p>e) Về Tổ chức bộ máy và Nhân sự:</p> <p>(i) Phê duyệt cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự, quy chế quản lý nội bộ tổng thể của toàn Tổng công ty; quyết định các chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi, đào tạo và tuyển dụng áp dụng chung cho toàn Tổng công ty (ngoại trừ các chính sách và quyết định nhân sự chi tiết thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng do Tổng giám đốc phụ trách);</p> <p>(ii) Thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý cấp cao thuộc thẩm</p>	
--	--	--	---	--

			<p>quyền của Hội đồng quản trị; trực tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đại diện Tổng công ty ký kết/chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương, thưởng đối với toàn bộ nhân sự thuộc các Ban chức năng nghiệp vụ phục vụ chung toàn Tổng công ty; ngoại trừ các vấn đề về tổ chức, nhân sự của các bộ phận phục vụ riêng hoạt động xây lắp do Tổng giám đốc trực tiếp phụ trách.</p> <p>f) Về Đại diện Tổ tụng:</p> <p>Đại diện Tổng công ty làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tham gia tố tụng (Tòa án/Trọng tài) đối với các tranh chấp của Tổng công ty, ngoại trừ các tranh chấp chỉ liên quan đến lĩnh vực xây lắp/xây dựng (hoặc tranh chấp liên quan đến nhân sự thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng) do Tổng giám đốc phụ trách;</p> <p>g) Các quyền và nghĩa vụ đối với các giao dịch/lĩnh vực chung hoặc các vấn đề khác:</p> <p>(i) Đại diện Tổng công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch thương mại thuộc lĩnh vực đầu tư, tài chính, bất động sản và các lĩnh vực khác theo phân định tại khoản 2 Điều 3 này;</p> <p>(ii) Đại diện Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với các giao dịch, công việc, hoặc tranh chấp có tính liên quan đồng thời giữa lĩnh vực do Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách và lĩnh vực do Tổng giám đốc phụ trách; hoặc vấn đề không phân được phân định rõ thẩm quyền theo Điều lệ này; hoặc trường hợp pháp luật, đối tác, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu phải có 01 (một) người đại diện theo pháp luật chung cao nhất của Tổng công ty thực hiện, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty để thực hiện toàn bộ các công việc, giao dịch này.</p> <p>(iii) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy chế nội bộ và Điều lệ này.</p>	
--	--	--	--	--

			<p>3. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật và người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong lĩnh vực được phân công, Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ cụ thể sau đây:</p> <p>a) Về công tác điều hành và thực thi quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Điều hành việc quản lý, vận hành, tổ chức, hành chính hằng ngày của các bộ phận phục vụ trực tiếp cho các hoạt động xây lắp của Tổng công ty; (ii) Tổ chức thực hiện, đôn đốc và báo cáo kết quả triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi lĩnh vực quản lý của mình. <p>b) Trong hoạt động Xây dựng, Đấu thầu và Quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Quyết định toàn diện việc tham gia đấu thầu, liên danh, liên kết trong hoạt động xây lắp; đại diện Tổng công ty đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, thanh lý các hợp đồng thi công, tư vấn, tổng thầu, EPC và các hợp đồng liên quan đến hoạt động xây lắp/xây dựng; (ii) Tổ chức quản lý, điều hành việc thi công, thực hiện dự án, đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và quản lý vật tư, thiết bị, máy móc thi công; (iii) Tổ chức thực hiện thi công các dự án do Tổng công ty làm Chủ đầu tư theo phương thức tự thực hiện hoặc nhận giao khoán nội bộ, sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm toàn diện về các dự án, công trình mà Tổng giám đốc phụ trách quản lý. <p>c) Về công tác tài chính, thanh toán thuộc mảng xây lắp/xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Đại diện Tổng công ty với tư cách chủ tài khoản thực hiện các giao dịch thanh toán, bảo lãnh ngân hàng phục vụ hoạt động xây lắp/xây dựng theo đúng phân cấp, hạn mức được quy định tại quy chế tài chính nội bộ hoặc theo quyết định của HĐQT; 	
--	--	--	--	--

			<p>(ii) Đại diện Tổng công ty ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố/thế chấp quyền tài sản từ hợp đồng thầu, và yêu cầu phát hành các loại bảo lãnh ngân hàng (dự thầu, thực hiện hợp đồng, tạm ứng, bảo hành) phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp/xây dựng theo đúng phân cấp, hạn mức quy định tại quy chế tài chính nội bộ hoặc theo quyết định của HĐQT;</p> <p>(iii) Đại diện Tổng công ty ký các chứng từ thanh toán, nghiệm thu, quyết toán, phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ thuế liên quan đến các gói thầu, hợp đồng xây lắp, tư vấn thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng;</p> <p>d) Về Tổ chức bộ máy và Nhân sự thuộc mảng xây lắp/xây dựng:</p> <p>(i) Tổng giám đốc có quyền: Phê duyệt cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự chi tiết, quy chế quản lý nội bộ các ban quản lý dự án, ban điều hành dự án, ban chỉ huy công trường thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng;</p> <p>(ii) Trực tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tuyển dụng, ký kết/chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức tiền lương, thưởng đối với các nhân sự làm việc tại các bộ phận trực tiếp phục vụ cho hoạt động xây lắp/xây dựng (bao gồm cả nhân sự thuộc các Ban quản lý dự án/Ban điều hành dự án/Ban chỉ huy công trường). Việc ra quyết định nhân sự tại điểm này phải tuân thủ phương án kinh tế của các công trình, dự án xây lắp/xây dựng đã được Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt;</p> <p>e) Về Đại diện Tổ tụng và Giao dịch với cơ quan chức năng thuộc mảng xây lắp/xây dựng:</p> <p>(i) Đại diện Tổng công ty làm việc, giao dịch với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Chủ đầu tư và các đối tác liên quan trực tiếp đến các hoạt động đấu thầu và thi công xây lắp/xây dựng;</p> <p>(ii) Đại diện Tổng công ty tham gia giải quyết tranh chấp, tham gia tố tụng (Tòa án/Trọng tài) trực tiếp phát sinh từ các gói</p>	
--	--	--	---	--

			<p>thầu, hợp đồng xây lắp/xây dựng, tư vấn, các tranh chấp về nhân sự do Tổng giám đốc trực tiếp phụ trách.</p> <p>f) Các quyền và nghĩa vụ khác:</p> <p>(i) Kiến nghị số lượng, cơ cấu Ban quản lý điều hành trực thuộc Tổng giám đốc để Hội đồng quản trị xem xét, bổ nhiệm;</p> <p>(ii) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và theo ủy quyền, phân công của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
2	Khoản 1 Điều 6	<p>1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 5.985.934.580.000 đồng Năm nghìn chín trăm tám mươi lăm tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn. Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 598.593.458 (Năm trăm chín mươi tám triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi tám) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.</p>	<p>1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.464.683.360.000 đồng (Sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bốn tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 646.468.336 (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi sáu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.</p>	<p>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 20/07/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Tp. Hà Nội cấp cho Tổng công ty cổ phần Vinaconex</p>
3	Khoản 3 Điều 29	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Điều lệ này và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.</p>	<p>Sửa phù hợp với phạm vi phân quyền của Chủ tịch HĐQT quy định tại Điều 3 của Điều lệ sửa đổi năm 2026</p>

		<p>quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p>		
4	Khoản 2 và khoản 4 Điều 35	<p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.</p> <p>3. [...].</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng công</p>	<p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty trong các lĩnh vực được phân công phụ trách theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Điều lệ này, theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.</p> <p>3. [...].</p> <p>4. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật và người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong lĩnh vực được phân công, Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 3 của Điều lệ này.</p>	Sửa phù hợp với phạm vi phân quyền của Chủ tịch HĐQT quy định tại Điều 3 của Điều lệ sửa đổi năm 2026

	<p>ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;</p> <p>e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty và những người quản lý thuộc thẩm quyền quyết định/bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>j) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn</p>		
--	---	--	--

		<p>kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;</p> <p>l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.</p>		
5	Một số nội dung chỉnh sửa nhỏ khác được thể hiện chi tiết tại dự thảo Điều lệ năm 2026 của Tổng công ty			

PHỤ LỤC 03

Dự thảo toàn văn Điều lệ năm 2026 của Tổng công ty CP VINACONEX



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
- VINACONEX -

ĐIỀU LỆ

NGÀY 25 THÁNG 4 NĂM 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty	11
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	11
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	11
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	12
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	13
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	13
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	13
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	32
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty.....	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	33
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	34
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	34
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	34
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	35
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	35
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	36
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 42. Trách nhiệm căn trọng.....	36
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	37
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	37
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	37
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	38
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	38
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	39
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	39
Điều 49. Năm tài chính.....	39

Điều 50. Chế độ kế toán.....	39
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	39
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	39
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	40
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	40
Điều 53. Kiểm toán	40
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	40
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	40
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	40
Điều 55. Giải thể Tổng công ty.....	40
Điều 56. Thanh lý.....	41
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	41
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
Điều 58. Điều lệ Tổng công ty	42
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	42
Điều 59. Ngày hiệu lực	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số **01/2026/NQ-ĐHĐCĐ** của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty ngày **25 tháng 4 năm 2026**.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời điểm;
 - d) "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời điểm;
 - e) "**Ngày thành lập**" là ngày Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - f) "**Người quản lý doanh nghiệp**" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm;
 - g) "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - h) "**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - i) "**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**" là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - j) "**Người phụ trách quản trị Tổng công ty**" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - k) "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l) "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
 - m) "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - o) "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - p) "**Tổng công ty**" là Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
 - q) "**Vinaconex**" là tên viết tắt của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng

Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty
 - ✚ Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**
 - ✚ Tên tiếng Anh: **VIETNAM CONSTRUCTION AND IMPORT-EXPORT JOINT STOCK CORPORATION**
 - ✚ Tên viết tắt: **VINACONEX**
 - ✚ Mã chứng khoán: **VCG**
2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:
 - ✚ Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - ✚ Điện thoại: (024) 62849234
 - ✚ Fax: (024) 6284 9208
 - ✚ Email: info@vinaconex.com.vn;
 - ✚ Website: www.vinaconex.com.vn
4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 55, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tổng công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty. Thẩm quyền, quyền hạn và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được phân định chi tiết theo các lĩnh vực quản trị và điều hành được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.
2. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật và người đứng đầu cơ quan quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ cụ thể sau đây:
 - a) Về công tác quản trị:
 - (i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chuẩn bị chương

trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

(ii) Quản trị định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và đầu tư trung, dài hạn của toàn Tổng công ty.

b) Về công tác tổ chức thực hiện:

(i) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và chỉ đạo, giám sát quá trình Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định này;

(ii) Tổ chức thực hiện, chỉ đạo và giám sát công việc kinh doanh của Tổng công ty và các Ban chức năng của Tổng công ty liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, ngoại trừ lĩnh vực xây dựng/xây lắp do Tổng giám đốc trực tiếp điều hành hằng ngày;

(iii) Chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng, đôn đốc thực hiện và phê duyệt các chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư trung và dài hạn trước khi trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c) Về Tài chính, Kế toán, Thuế và Quản lý dòng tiền:

Ngoại trừ các công tác tài chính, dòng tiền liên quan trực tiếp đến hoạt động xây lắp/xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng giám đốc, thì Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(i) Là người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán, chịu trách nhiệm toàn diện và trực tiếp ký duyệt các báo cáo tài chính, chứng từ kế toán, chứng từ thuế của Tổng công ty, ngoại trừ các chứng từ kế toán, chứng từ/tờ khai thuế, hóa đơn GTGT phát sinh trực tiếp từ các hợp đồng, dự án xây lắp/xây dựng thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc;

(ii) Quyết định và đại diện cho Tổng công ty trong việc mở, sử dụng và quản lý các tài khoản ngân hàng của Tổng công ty; quyết định các phương án huy động vốn, vay vốn, cho vay, cấp tín dụng, bảo lãnh, thế chấp, cầm cố tài sản và phát hành các loại chứng khoán phù hợp với thẩm quyền được Hội đồng quản trị phân cấp, ngoại trừ các hợp đồng cấp tín dụng cụ thể, hợp đồng bảo đảm tiền vay phục vụ trực tiếp cho từng gói thầu, dự án xây lắp/xây dựng được Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc;

(iii) Trực tiếp ký duyệt các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chứng từ kế toán, chứng từ thuế và các văn bản giao dịch làm việc với cơ quan thuế, ngân hàng, tổ chức tín dụng, kiểm toán độc lập;

(iv) Thực hiện việc mở, sử dụng các tài khoản ngân hàng của Tổng công ty và quyết định việc phân cấp hạn mức ký duyệt thanh toán trên các tài khoản này cho Tổng giám đốc theo quy chế tài chính nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành.

(v) Ký duyệt chi các khoản chi phí khác không thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.

d) Về Đầu tư và Quản lý vốn tại doanh nghiệp khác:

- (i) Quyết định hoặc trình Hội đồng quản trị quyết định (theo phân cấp thẩm quyền) trong việc đầu tư vào các dự án Bất động sản, Hạ tầng, Công nghiệp; quyết định việc góp vốn, mua bán, sáp nhập (M&A), nhận chuyển nhượng cổ phần, phân vốn góp tại doanh nghiệp/dự án khác;
 - (ii) Phê duyệt phương án tái cấu trúc, chuyển nhượng, thoái vốn, thu hồi vốn đầu tư của Tổng công ty tại các dự án và tại các doanh nghiệp khác;
 - (iii) Trực tiếp phê duyệt cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chỉ đạo và giám sát Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết và các doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty;
 - (iv) Phê duyệt chủ trương và quyết định việc giao kế hoạch, giao khoán nội bộ cho khối Xây dựng (do Tổng giám đốc phụ trách) để tự thực hiện thi công các dự án do Tổng công ty làm Chủ đầu tư;
 - (v) Đại diện cho Tổng công ty trong việc ký kết các văn bản, tài liệu liên quan đến các giao dịch nêu tại điểm d khoản 2 Điều này.
- e) Về Tổ chức bộ máy và Nhân sự:
- (i) Phê duyệt cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự, quy chế quản lý nội bộ tổng thể của toàn Tổng công ty; quyết định các chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi, đào tạo và tuyển dụng áp dụng chung cho toàn Tổng công ty (ngoại trừ các chính sách và quyết định nhân sự chi tiết thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng do Tổng giám đốc phụ trách);
 - (ii) Thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; trực tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đại diện Tổng công ty ký kết/chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương, thưởng đối với toàn bộ nhân sự thuộc các Ban chức năng nghiệp vụ phục vụ chung toàn Tổng công ty; ngoại trừ các vấn đề về tổ chức, nhân sự của các bộ phận phục vụ riêng hoạt động xây lắp do Tổng giám đốc trực tiếp phụ trách.
- f) Về Đại diện Tổ tụng:
- Đại diện Tổng công ty làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tham gia tố tụng (Tòa án/Trọng tài) đối với các tranh chấp của Tổng công ty, ngoại trừ các tranh chấp chỉ liên quan đến lĩnh vực xây lắp/xây dựng (hoặc tranh chấp liên quan đến nhân sự thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng) do Tổng giám đốc phụ trách;
- g) Các quyền và nghĩa vụ đối với các giao dịch/lĩnh vực chung hoặc các vấn đề khác:
- (i) Đại diện Tổng công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch thương mại thuộc lĩnh vực đầu tư, tài chính, bất động sản và các lĩnh vực khác theo phân định tại khoản 2 Điều 3 này;
 - (ii) Đại diện Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với các giao dịch, công việc, hoặc tranh chấp có tính liên quan đồng thời giữa lĩnh vực do Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách và lĩnh vực do Tổng giám đốc phụ trách; hoặc vấn đề không phân định được phân định rõ thẩm quyền theo Điều lệ này; hoặc trường hợp pháp luật, đối tác, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu phải có 01 (một)

người đại diện theo pháp luật chung cao nhất của Tổng công ty thực hiện, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty để thực hiện toàn bộ các công việc, giao dịch này.

- (iii) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy chế nội bộ và Điều lệ này.
3. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật và người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong lĩnh vực được phân công, Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ cụ thể sau đây:
- a) Về công tác điều hành và thực thi quyết định:
 - (i) Điều hành việc quản lý, vận hành, tổ chức, hành chính hằng ngày của các bộ phận phục vụ trực tiếp cho các hoạt động xây lắp của Tổng công ty;
 - (ii) Tổ chức thực hiện, đôn đốc và báo cáo kết quả triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi lĩnh vực quản lý của mình.
 - b) Trong hoạt động Xây dựng, Đấu thầu và Quản lý dự án:
 - (i) Quyết định toàn diện việc tham gia đấu thầu, liên danh, liên kết trong hoạt động xây lắp; đại diện Tổng công ty đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, thanh lý các hợp đồng thi công, tư vấn, tổng thầu, EPC và các hợp đồng liên quan đến hoạt động xây lắp/xây dựng;
 - (ii) Tổ chức quản lý, điều hành việc thi công, thực hiện dự án, đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và quản lý vật tư, thiết bị, máy móc thi công;
 - (iii) Tổ chức thực hiện thi công các dự án do Tổng công ty làm Chủ đầu tư theo phương thức tự thực hiện hoặc nhận giao khoán nội bộ, sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm toàn diện về các dự án, công trình mà Tổng giám đốc phụ trách quản lý.
 - c) Về công tác tài chính, thanh toán thuộc mảng xây lắp/xây dựng:
 - (i) Đại diện Tổng công ty với tư cách chủ tài khoản thực hiện các giao dịch thanh toán, bảo lãnh ngân hàng phục vụ hoạt động xây lắp/xây dựng theo đúng phân cấp, hạn mức được quy định tại quy chế tài chính nội bộ hoặc theo quyết định của HĐQT;
 - (ii) Đại diện Tổng công ty ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố/thế chấp quyền tài sản từ hợp đồng thầu, và yêu cầu phát hành các loại bảo lãnh ngân hàng (dự thầu, thực hiện hợp đồng, tạm ứng, bảo hành) phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp/xây dựng theo đúng phân cấp, hạn mức quy định tại quy chế tài chính nội bộ hoặc theo quyết định của HĐQT;
 - (iii) Đại diện Tổng công ty ký các chứng từ thanh toán, nghiệm thu, quyết toán, phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ thuế liên quan đến các gói thầu, hợp đồng xây lắp, tư vấn thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng;
 - d) Về Tổ chức bộ máy và Nhân sự thuộc mảng xây lắp/xây dựng:

- (i) Tổng giám đốc có quyền: Phê duyệt cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự chi tiết, quy chế quản lý nội bộ các ban quản lý dự án, ban điều hành dự án, ban chỉ huy công trường thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng;
- (ii) Trực tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tuyển dụng, ký kết/chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức tiền lương, thưởng đối với các nhân sự làm việc tại các bộ phận trực tiếp phục vụ cho hoạt động xây lắp/xây dựng (bao gồm cả nhân sự thuộc các Ban quản lý dự án/Ban điều hành dự án/Ban chỉ huy công trường). Việc ra quyết định nhân sự tại điểm này phải tuân thủ phương án kinh tế của các công trình, dự án xây lắp/xây dựng đã được Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt;
- e) Về Đại diện Tổ tụng và Giao dịch với cơ quan chức năng thuộc mảng xây lắp/xây dựng:
- (i) Đại diện Tổng công ty làm việc, giao dịch với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Chủ đầu tư và các đối tác liên quan trực tiếp đến các hoạt động đấu thầu và thi công xây lắp/xây dựng;
- (ii) Đại diện Tổng công ty tham gia giải quyết tranh chấp, tham gia tố tụng (Tòa án/Trọng tài) trực tiếp phát sinh từ các gói thầu, hợp đồng xây lắp/xây dựng, tư vấn, các tranh chấp về nhân sự do Tổng giám đốc trực tiếp phụ trách.
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác:
- (i) Kiến nghị số lượng, cơ cấu Ban quản lý điều hành trực thuộc Tổng giám đốc để Hội đồng quản trị xem xét, bổ nhiệm;
- (ii) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và theo ủy quyền, phân công của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
2	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
3	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
4	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết:</i> - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.	5510

STT	Tên ngành	Mã ngành
5	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt <i>Chi tiết: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu, gồm: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.</i>	0722
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét <i>Chi tiết:</i> - Khai thác đá - Khai thác cát, sỏi - Khai thác đất sét	0810
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét <i>Chi tiết:</i> - Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm; - Sản xuất đá phiến và đá lát thêm không chịu lửa; - Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm sứ không chịu lửa như: Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp, ống khói bằng gốm... - Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung; - Sản xuất các đồ vật vệ sinh cố định làm bằng gốm.	2392
8	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao <i>Chi tiết:</i> - Sản xuất xi măng - Sản xuất vôi - Sản xuất thạch cao	2394
9	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
10	Sản xuất sản phẩm từ plastic <i>Chi tiết: Sản xuất đá nhân tạo;</i>	2220
11	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
12	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
13	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh <i>Chi tiết: Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng</i>	2310
14	Sản xuất than cốc <i>Chi tiết: Sản xuất nhựa đường</i>	1910
15	Khai thác, xử lý và cung cấp nước <i>Chi tiết:</i> - Khai thác nước từ sông, hồ, ao... - Thu nước mưa, - Thanh lọc nước để cung cấp, - Xử lý nước cho mục đích công nghiệp và các mục đích khác, - Xử lý nước lợ, nước mặn để cung cấp nước như là sản phẩm	3600

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<p><i>chính,</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Cung cấp nước thông qua mạng lưới đường ống, bằng xe bồn chuyên chở hoặc các phương tiện khác,</i> - <i>Hoạt động của các kênh tưới nước.</i> 	
16	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Kinh doanh các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;</i> - <i>Bán buôn phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy;</i> - <i>Bán buôn hệ thống camera quan sát, chống trộm; hệ thống phòng cháy chữa cháy, báo cháy tự động</i> <p><i>(Ngoại trừ mục 16, Phần A, Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ)</i></p>	4669
17	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p><i>Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (ngoại trừ mục 7, Phần A, Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ)</i></p>	6810 (Chính)
18	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hoạt động kiến trúc;</i> - <i>Hoạt động đo đạc và bản đồ;</i> - <i>Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy.</i> - <i>Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy</i> - <i>Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;</i> - <i>Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.</i> 	7110
19	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng doanh nghiệp kinh doanh (ngoại trừ các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, theo quy định tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương).</i></p>	8299
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</p> <p><i>(Ngoại trừ mục 20 và mục 21, Phần A, Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ)</i></p>	5222
22	<p>Bốc xếp hàng hóa</p> <p><i>(Ngoại trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)</i></p>	5224

STT	Tên ngành	Mã ngành
23	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ <i>Chi tiết:</i> - Hoạt động của các bãi ô tô, xe đạp, xe máy; - Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;	5225
25	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn</i>	4633
26	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.	5610
27	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>(Ngoại trừ mục 16, Phần A, Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ)</i>	4649
28	Giáo dục nhà trẻ	8511
29	Giáo dục mẫu giáo	8512
30	Giáo dục tiểu học	8521
31	Giáo dục trung học cơ sở	8522
32	Giáo dục phổ thông	8523
33	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Tổ chức hoạt động trung tâm ngoại ngữ.</i>	8559
34	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
35	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500Kv các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác. (Ngoại trừ xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i>	4299
36	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác <i>Chi tiết: Thăm dò khoáng sản</i>	0990
37	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai</i>	1104
38	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Khai thác đất san lấp và đất thi công đắp nền đường.</i>	0899
39	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
40	Chăn nuôi gia cầm <i>Chi tiết: Chăn nuôi gia cầm</i>	0146
41	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>Chi tiết: Chăn nuôi trâu, bò</i>	
42	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa <i>Chi tiết: Chăn nuôi ngựa, lừa, la</i>	0142
43	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai <i>Chi tiết: Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai</i>	0144
44	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn <i>Chi tiết: Chăn nuôi lợn</i>	0145
45	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Dệt may công nghiệp</i>	1399
46	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>Chi tiết:</i> - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; - Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí.	4322
47	Sản xuất điện <i>(Trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i>	3511
48	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa (Ngoại trừ hàng hóa doanh nghiệp không được quyền phân phối theo Phụ lục 3 của Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương);</i>	4610
49	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy</i>	4659
50	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. <i>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy</i>	4329
51	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
53	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
54	Tái chế phế liệu	3830
55	Thu gom rác thải không độc hại <i>(Ngoại trừ Dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình tại Mục A – Ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với Nhà đầu tư nước ngoài của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021)</i>	3811
56	Thu gom rác thải độc hại <i>(Ngoại trừ Dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình tại Mục A – Ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với Nhà đầu tư nước ngoài của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 31/2021/NĐ-</i>	3812

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>CP ngày 26/3/2021)</i>	
57	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Chế tạo lò đốt rác các loại	7410
58	Xây dựng nhà để ở	4101
59	Xây dựng nhà không để ở	4102
60	Xây dựng công trình đường sắt	4211
61	Xây dựng công trình đường bộ	4212
62	Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp không kinh doanh trong ngành nghề nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường theo quy định của pháp luật.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tổng công ty đã thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký tới cơ quan đăng ký kinh doanh và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Tổng công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:
Tổng công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Tổng công ty là **6.464.683.360.000 đồng** (*Sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bốn tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*). Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành **646.468.336** (*Sáu trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi sáu*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.
- Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ

thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có

quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty được lựa chọn theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát; và
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà mình sở hữu trong Tổng Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;
 - h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
- 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.
- 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;

- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định

tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán *(hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế)*;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự

hợp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty, bao gồm các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, con dấu (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức có con dấu).

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại thì quy định tại Điều khoản này sẽ không được áp dụng.

Điều 17. Thay đổi các quyền

- Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
- Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
- 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- 3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- 4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Tổng công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo các hình thức sau:
 - a) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được gửi tới các cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ

thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này

có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có);
 - g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

- h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn chín (09) thành viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo từng thời điểm.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị
 - a) **Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Tổng công ty phải đảm bảo quy định sau:**
 - Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên
 - b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức (**sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua**) hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy

chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

- q) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. **Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Điều lệ này và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.**
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi

nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và tham dự họp.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu

kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số phiếu ngang nhau

thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
4. Tiền lương của người điều hành Tổng công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc Tổng công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty trong các lĩnh vực được phân công phụ trách theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Điều lệ này, theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật và người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày trong lĩnh vực được phân công, Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 3 của Điều lệ này.
5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn

được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, Tổng công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.
2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được

tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên (01/12/2006) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm 2007.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.
3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận

bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Tổng công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương và 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam nhất trí thông qua ngày **25 tháng 4 năm 2026** tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty./.

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký trụ sở chính	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)
01	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nhà Hà Nội-HABUBANK	B7 Giảng võ, phường Giảng võ, quận Ba Đình, Hà Nội	0	0
02	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- BIDV	Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0
03	Tổng công ty quản lý Vốn nhà nước (SCIC)	Tầng 23 - 24 Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	0	0

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty CP VINACONEX

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("Luật Doanh nghiệp năm 2020");
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ yêu cầu thực tế về quản trị và điều hành doanh nghiệp.

1. Cơ sở pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, theo Nghị định 245 thì một số nội dung liên quan đến quản trị công ty đại chúng đã được thay đổi, do đó các công ty đại chúng cần sửa đổi các tài liệu nội bộ để đảm bảo cập nhật và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tại thời điểm này.

Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu thực tế về quản trị và điều hành doanh nghiệp tại Tổng công ty, Tổng công ty cần thiết phải có 02 người đại diện theo pháp luật gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Đề xuất các nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty

Để ghi nhận các thay đổi tại mục 1 nêu trên của Tờ trình vào Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty xem xét phê duyệt các nội dung sau:

- 2.1 Phê duyệt việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty với các nội dung sửa đổi như sau:
- Sửa đổi khoản 3 Điều 18 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty về nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 20 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.
 - Bổ sung khoản 3 vào Điều 22 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty về quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.



- d) Sửa đổi Điều 34 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty về vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.

Chi tiết các nội dung sửa đổi được nêu tại Phụ lục 01 – Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026 của Tổng công ty đính kèm Tờ trình này.

- 2.2 Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026 (*dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty được đính kèm theo Phụ lục 02 của Tờ trình này*).
- 2.3 Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026 của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

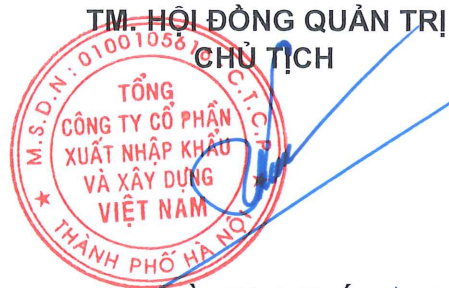
Các tài liệu gửi kèm Tờ trình:

Phụ lục 01: Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026;

Phụ lục 02: Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, PC.



Trần Đình Tuấn *dy*

PHỤ LỤC 01

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026



PHỤ LỤC 01 – CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2026 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX

(Đính kèm Tờ trình số 1065/2026/TTr-HĐQT ngày 02/04/2026 của Hội đồng quản trị)

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023	NỘI DUNG CHÍNH ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2026	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Khoản 3 Điều 18	3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Khoản 80 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
2	Điểm c khoản 1 Điều 20	c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác	c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
3	Khoản 3 vào Điều 22		Bổ sung khoản 3 và sau khoản 2 Điều 22 như sau: 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Điều lệ Tổng công ty.	Để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT quy định tại Điều lệ Tổng công ty sửa đổi năm 2026
4	Điều 34	Điều 34. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. 2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:	Điều 34. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Điều lệ Tổng công ty.	Để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Tổng giám đốc quy định tại Điều lệ Tổng công ty sửa đổi năm 2026

	<ul style="list-style-type: none"> a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc; g) Tuyển dụng lao động; h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định; j) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở 		
--	---	--	--

		<p>đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;</p> <p>l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.</p> <p>m) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>		
5	<p>Một số nội dung chỉnh sửa nhỏ khác được thể hiện chi tiết tại dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026 của Tổng công ty</p>			

PHỤ LỤC 02

**Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026
của Tổng công ty CP VINACONEX**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
- VINACONEX -

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

NGÀY 25 THÁNG 4 NĂM 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	1
Điều 2. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông.....	1
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 5. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông).....	4
Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 9. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu	7
Điều 10. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu.....	8
Điều 12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....	8
Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 14. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	9
Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 16. Vai trò của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 19. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 21. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 22. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	16
Điều 23. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 24. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	16
Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị	18
Điều 26. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	19
Điều 27. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	19
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	20
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	20
Điều 29. Quyền và Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	21
Điều 30. Thành phần Ban kiểm soát	21
Điều 31. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	21

Điều 32.	Cuộc họp của Ban Kiểm soát	23
Điều 33.	Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....	23
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC		24
Điều 34.	Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;.....	24
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.....	24
CHƯƠNG VI.CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC		24
Điều 36.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.....	24
Điều 37.	Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	25
Điều 38.	Phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.....	26
Điều 39.	Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	26
CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH.....		26
Điều 40.	Hiệu lực thi hành	27

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2026

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan của Tổng công ty.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất

- của Tổng công ty.
2. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
 - b) Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 3. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.
3. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 của Điều lệ Tổng công ty.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp
 - a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
 - b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
 - a) Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b) Khi công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
 - c) Tổng công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) chậm nhất 08 ngày làm việc liên trước ngày đăng ký cuối cùng hoặc một thời hạn khác theo quy định của VSD, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
 - i) Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng (Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do Tổ chức phát hành hoặc VSD trên cơ sở ủy quyền của Tổ chức phát hành ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phủ họp với thông báo của Tổ chức phát hành, VSD và quy định của pháp luật);

- ii) Mục đích sử dụng danh sách;
 - iii) Nội dung cụ thể về thông tin quyền thực hiện (tỷ lệ thực hiện, ngày thực hiện, địa điểm thực hiện...).
4. Gửi Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông
- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
 - b) Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - c) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Trường hợp Tổng công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.
 - d) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);
 - iii) Phiếu biểu quyết;
 - iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
5. Kiến nghị bổ sung Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm a khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;
 - ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty;
 - iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
 - c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại

điểm b khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty, bao gồm các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, con dấu (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức có con dấu).

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

1. Người triệu tập cuộc họp thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban kiểm tra tư cách cổ đông cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều

này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;
3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 10. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.
2. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
2. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.
3. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Việc bỏ phiếu và kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội

dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 14. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Tổng công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo các hình thức sau:
- a) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
 - g) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được gửi tới các cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty

ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

1. Quyền hạn của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức (sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua) hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
 - q) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch và Hội đồng quản trị cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - r) Các quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:
- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty.
 - b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.
 - c) Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.
 - d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.
 - e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
 - f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020.
 - g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.
 - h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Tổng công ty.
 - i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung)
 - j) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế này, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp

(nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị.

- d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - e) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - f) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối.
 - g) Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Tổng công ty phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
 - h) Đăng ký, thông báo khi có thay đổi tới Hội đồng quản trị các thông tin nhân thân, thông tin liên lạc, điện thoại, thư điện tử (email), chữ ký điện tử (nếu có) và các thông tin khác của bản thân. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật email cá nhân của mình và chịu trách nhiệm đối với những ý kiến biểu quyết của mình qua email đã đăng ký với Hội đồng quản trị.
 - i) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và quy định pháp luật.
3. **Tùng** thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
 - c) **Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.**
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liên trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu

quyết của Tổng công ty;

- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 21. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
- g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
- h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
- i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn chín (09) thành viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị

- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
- b) Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- c) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
- i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - ii) Trình độ chuyên môn;
 - iii) Quá trình công tác;
 - iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - v) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - vi) Các thông tin khác (nếu có);
 - vii) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị
- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - iii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
 - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
 - c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
 - d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - e) Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Thông báo về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- Tổng công ty phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; nhận được đơn xin từ

chức của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 23. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 24. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm
Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - ii) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - iii) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Đề nghị quy định tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.
 - c) Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và dự họp.
4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Cách thức biểu quyết

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy

định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở

chính của Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
6. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - a) Căn cứ vào các nội dung, nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - b) Các nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được gửi đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc cùng các thành viên khác có liên quan của Tổng công ty chậm nhất 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày các thành viên Hội đồng quản trị dự họp ký đầy đủ vào Văn bản.
 - c) Các nội dung nghị quyết Hội đồng quản trị thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.
4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 27. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tổng công ty
Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty
Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty
Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty
Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định pháp luật về chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Quyền và Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm sau đây:
 - a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
 - c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
 - e) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.
 - f) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 30. Thành phần Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ Tổng công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 31. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát
Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông Tổng công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên của tổng số cổ phần phổ thông Tổng công ty được đề cử chín (09) ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát
- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
 - b) Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.
 - c) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - ii) Trình độ chuyên môn;
 - iii) Quá trình công tác;
 - iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);
 - v) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - vi) Các thông tin khác (nếu có);
 - vii) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát
- Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu

- bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.
5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
 6. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.
 7. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 8. Thông báo về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát
Tổng công ty phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; nhận được đơn xin từ chức của Ban kiểm soát.

Điều 32. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp.
2. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
3. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 33. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp

Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 34. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. **Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Điều lệ Tổng công ty.**

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc
Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc
Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc
Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc Tổng công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc
Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được theo theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.
6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a) Tổng giám đốc được trả lương, thưởng và các lợi ích khác.
 - b) Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
 - c) Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.
2. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
 - b) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban Kiểm soát trong thời hạn quy định theo Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty;
 - d) Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định nội bộ;
 - e) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng thời gian quy định.
3. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị
- a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;
 - b) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty bất kỳ lúc nào. Quy trình và thời hạn cung cấp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tổng công ty.
 - c) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc, kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;
 - d) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Tổng công ty. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - f) Đối với kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty thì Ban kiểm soát phải gửi bằng văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
 - g) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất 7 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 37. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xác định các chủ trương, chính sách, định hướng và quy chế quản trị làm cơ sở để Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị quy định chế độ thông tin/báo cáo làm cơ sở để nắm tình hình hoạt động của Tổng công ty và ra quyết định; Tổng Giám đốc có trách nhiệm duy trì chế độ thông tin, báo cáo

đến Hội đồng quản trị kịp thời, đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng quản trị nắm tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của Hội đồng quản trị /Chủ tịch Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
5. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
6. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Điều 38. Phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (hoặc cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Tổng công ty. Tùy mức độ và kết quả, Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty tại Trụ sở chính của Tổng công ty hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo các quy định về khen thưởng, kỷ luật do Tổng công ty ban hành từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam bao gồm bao gồm 7 Chương và 40 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày **25 tháng 4 năm 2026**.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty CP VINACONEX

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("Luật Doanh nghiệp năm 2020");
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ yêu cầu thực tế về quản trị và điều hành doanh nghiệp.

1. Cơ sở pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP thì một số nội dung liên quan đến quản trị công ty đại chúng đã được thay đổi, do đó các công ty đại chúng cần sửa đổi các tài liệu nội bộ để đảm bảo cập nhật và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tại thời điểm này.

Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu thực tế về quản trị và điều hành doanh nghiệp tại Tổng công ty, Tổng công ty cần thiết phải có 02 người đại diện theo pháp luật gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Đề xuất các nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty

Để ghi nhận các thay đổi tại mục 1 nêu trên của Tờ trình vào Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty xem xét phê duyệt các nội dung sau:

- 2.1 Phê duyệt việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty với các nội dung sửa đổi như sau:
- Sửa đổi khoản 3 Điều 3 của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị về nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 6 của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.
 - Sửa đổi khoản 3 Điều 7 của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị về quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.



Chi tiết các nội dung sửa đổi được nêu tại Phụ lục 01 – Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026 của Tổng công ty đính kèm Tờ trình này.

2.2 Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026 (dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty được đính kèm theo Phụ lục 02 của Tờ trình này).

2.3 Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026 của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Các tài liệu gửi kèm Tờ trình:

Phụ lục 01: Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026;

Phụ lục 02: Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, PC.



Trần Đình Tuấn

PHỤ LỤC 01

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026



PHỤ LỤC 01 – CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX

(Đính kèm Tờ trình số 1066/2026/TTr-HĐQT ngày 02/04/2026 của Hội đồng quản trị)

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023	NỘI DUNG CHÍNH ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Khoản 3 Điều 3	3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Khoản 80 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
2	Điểm c khoản 1 Điều 6	c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.	c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
3	Khoản 3 Điều 7	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>3. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật và người đứng đầu cơ quan quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ cụ thể sau đây:</p> <p>a) Về công tác quản trị:</p> <p>(i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(ii) Quản trị định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và đầu tư trung, dài hạn của toàn Tổng công ty</p> <p>b) Về công tác tổ chức thực hiện:</p> <p>(i) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội</p>	Để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT quy định tại Điều lệ Tổng công ty sửa đổi năm 2026

	<p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty (nếu có).</p>	<p>đồng quản trị và chỉ đạo, giám sát quá trình Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định này;</p> <p>(ii) Tổ chức thực hiện, chỉ đạo và giám sát công việc kinh doanh của Tổng công ty và các Ban chức năng của Tổng công ty liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, ngoại trừ lĩnh vực xây dựng/xây lắp do Tổng giám đốc trực tiếp điều hành hằng ngày;</p> <p>(iii) Chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng, đôn đốc thực hiện và phê duyệt các chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư trung và dài hạn trước khi trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>c) Về Tài chính, Kế toán, Thuế và Quản lý dòng tiền: Ngoại trừ các công tác tài chính, dòng tiền liên quan trực tiếp đến hoạt động xây lắp/xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng giám đốc, thì Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>(i) Là người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán, chịu trách nhiệm toàn diện và trực tiếp ký duyệt các báo cáo tài chính, chứng từ kế toán, chứng từ thuế của Tổng công ty, ngoại trừ các chứng từ kế toán, chứng từ/tờ khai thuế, hóa đơn GTGT phát sinh trực tiếp từ các hợp đồng, dự án xây lắp/xây dựng thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc;</p> <p>(ii) Quyết định và đại diện cho Tổng công ty trong việc mở, sử dụng và quản lý các tài khoản ngân hàng của Tổng công ty; quyết định các phương án huy động vốn, vay vốn, cho vay, cấp tín dụng, bảo lãnh, thế chấp, cầm cố tài sản và phát hành các loại chứng khoán phù hợp với thẩm quyền được Hội đồng quản trị phân cấp, ngoại trừ các hợp đồng cấp tín dụng cụ thể, hợp đồng bảo đảm tiền vay phục vụ trực tiếp cho từng gói thầu, dự án xây lắp/xây dựng được Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc;</p>	
--	--	---	--

			<p>(iii) Trực tiếp ký duyệt các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chứng từ kế toán, chứng từ thuế và các văn bản giao dịch làm việc với cơ quan thuế, ngân hàng, tổ chức tín dụng, kiểm toán độc lập;</p> <p>(iv) Thực hiện việc mở, sử dụng các tài khoản ngân hàng của Tổng công ty và quyết định việc phân cấp hạn mức ký duyệt thanh toán trên các tài khoản này cho Tổng giám đốc theo quy chế tài chính nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>(v) Ký duyệt chi các khoản chi phí khác không thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.</p> <p>d) Về Đầu tư và Quản lý vốn tại doanh nghiệp khác:</p> <p>(i) Quyết định hoặc trình Hội đồng quản trị quyết định (theo phân cấp thẩm quyền) trong việc đầu tư vào các dự án Bất động sản, Hạ tầng, Công nghiệp; quyết định việc góp vốn, mua bán, sáp nhập (M&A), nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp/dự án khác;</p> <p>(ii) Phê duyệt phương án tái cấu trúc, chuyển nhượng, thoái vốn, thu hồi vốn đầu tư của Tổng công ty tại các dự án và tại các doanh nghiệp khác;</p> <p>(iii) Trực tiếp phê duyệt cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chỉ đạo và giám sát Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết và các doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty;</p> <p>(iv) Phê duyệt chủ trương và quyết định việc giao kế hoạch, giao khoán nội bộ cho khối Xây dựng (do Tổng giám đốc phụ trách) để tự thực hiện thi công các dự án do Tổng công ty làm Chủ đầu tư;</p> <p>(v) Đại diện cho Tổng công ty trong việc ký kết các văn bản, tài liệu liên quan đến các giao dịch nêu tại điểm d khoản 2 Điều này.</p> <p>e) Về Tổ chức bộ máy và Nhân sự:</p> <p>(i) Phê duyệt cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự, quy chế</p>	
--	--	--	--	--

			<p>quản lý nội bộ tổng thể của toàn Tổng công ty; quyết định các chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi, đào tạo và tuyển dụng áp dụng chung cho toàn Tổng công ty (ngoại trừ các chính sách và quyết định nhân sự chi tiết thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng do Tổng giám đốc phụ trách);</p> <p>(ii) Thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; trực tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đại diện Tổng công ty ký kết/chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương, thưởng đối với toàn bộ nhân sự thuộc các Ban chức năng nghiệp vụ phục vụ chung toàn Tổng công ty; ngoại trừ các vấn đề về tổ chức, nhân sự của các bộ phận phục vụ riêng hoạt động xây lắp do Tổng giám đốc trực tiếp phụ trách.</p> <p>f) Về Đại diện Tổ tụng: Đại diện Tổng công ty làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tham gia tố tụng (Tòa án/Trọng tài) đối với các tranh chấp của Tổng công ty, ngoại trừ các tranh chấp chỉ liên quan đến lĩnh vực xây lắp/xây dựng (hoặc tranh chấp liên quan đến nhân sự thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng) do Tổng giám đốc phụ trách;</p> <p>g) Các quyền và nghĩa vụ đối với các giao dịch/lĩnh vực chung hoặc các vấn đề khác:</p> <p>(i) Đại diện Tổng công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch thương mại thuộc lĩnh vực đầu tư, tài chính, bất động sản và các lĩnh vực khác theo phân định tại khoản 2 Điều 3 này;</p> <p>(ii) Đại diện Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với các giao dịch, công việc, hoặc tranh chấp có tính liên quan đồng thời giữa lĩnh vực do Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách và lĩnh vực do Tổng giám đốc phụ trách; hoặc vấn đề không phân được phân định rõ thẩm quyền theo Điều lệ này; hoặc trường hợp pháp luật, đối</p>	
--	--	--	---	--

			<p>tác, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu phải có 01 (một) người đại diện theo pháp luật chung cao nhất của Tổng công ty thực hiện, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty để thực hiện toàn bộ các công việc, giao dịch này.</p>	
4	<p>Một số nội dung chỉnh sửa nhỏ khác được thể hiện chi tiết tại dự thảo Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị năm 2026 của Tổng công ty</p>			

PHỤ LỤC 02

**Dự thảo toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026
của Tổng công ty CP VINACONEX**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
- VINACONEX -

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÀY 25 THÁNG 4 NĂM 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	9
Điều 14. Các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	10
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	14
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán.....	15
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 23. Hiệu lực thi hành	15

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Tổng công ty/VINACONEX);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần VINACONEX.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị VINACONEX bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (trong trường hợp được Hội đồng quản trị ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho những Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác (nếu có);
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.
3. **Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.**

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.
4. Điều lệ Tổng công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác **nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;**
 - d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác được quy định tại Điều lệ Tổng công ty (nếu có).
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty (nếu có).
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. **Với tư cách là người đại diện theo pháp luật và người đứng đầu cơ quan quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ cụ thể sau đây:**
 - a) **Về công tác quản trị:**
 - (i) **Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;**
 - (ii) **Quản trị định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và đầu tư trung, dài hạn của toàn Tổng công ty**
 - b) **Về công tác tổ chức thực hiện:**

- (i) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và chỉ đạo, giám sát quá trình Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định này;
 - (ii) Tổ chức thực hiện, chỉ đạo và giám sát công việc kinh doanh của Tổng công ty và các Ban chức năng của Tổng công ty liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, ngoại trừ lĩnh vực xây dựng/xây lắp do Tổng giám đốc trực tiếp điều hành hàng ngày;
 - (iii) Chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng, đôn đốc thực hiện và phê duyệt các chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư trung và dài hạn trước khi trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- c) Về Tài chính, Kế toán, Thuế và Quản lý dòng tiền:
- Ngoại trừ các công tác tài chính, dòng tiền liên quan trực tiếp đến hoạt động xây lắp/xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng giám đốc, thì Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- (i) Là người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán, chịu trách nhiệm toàn diện và trực tiếp ký duyệt các báo cáo tài chính, chứng từ kế toán, chứng từ thuế của Tổng công ty, ngoại trừ các chứng từ kế toán, chứng từ/tờ khai thuế, hóa đơn GTGT phát sinh trực tiếp từ các hợp đồng, dự án xây lắp/xây dựng thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc;
 - (ii) Quyết định và đại diện cho Tổng công ty trong việc mở, sử dụng và quản lý các tài khoản ngân hàng của Tổng công ty; quyết định các phương án huy động vốn, vay vốn, cho vay, cấp tín dụng, bảo lãnh, thế chấp, cầm cố tài sản và phát hành các loại chứng khoán phù hợp với thẩm quyền được Hội đồng quản trị phân cấp, ngoại trừ các hợp đồng cấp tín dụng cụ thể, hợp đồng bảo đảm tiền vay phục vụ trực tiếp cho từng gói thầu, dự án xây lắp/xây dựng được Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc;
 - (iii) Trực tiếp ký duyệt các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chứng từ kế toán, chứng từ thuế và các văn bản giao dịch làm việc với cơ quan thuế, ngân hàng, tổ chức tín dụng, kiểm toán độc lập;
 - (iv) Thực hiện việc mở, sử dụng các tài khoản ngân hàng của Tổng công ty và quyết định việc phân cấp hạn mức ký duyệt thanh toán trên các tài khoản này cho Tổng giám đốc theo quy chế tài chính nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành.
 - (v) Ký duyệt chi các khoản chi phí khác không thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.
- d) Về Đầu tư và Quản lý vốn tại doanh nghiệp khác:
- (i) Quyết định hoặc trình Hội đồng quản trị quyết định (theo phân cấp thẩm quyền) trong việc đầu tư vào các dự án Bất động sản, Hạ tầng, Công nghiệp; quyết định việc góp vốn, mua bán, sáp nhập (M&A), nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp/dự án khác;
 - (ii) Phê duyệt phương án tái cấu trúc, chuyển nhượng, thoái vốn, thu hồi vốn đầu tư của Tổng công ty tại các dự án và tại các doanh nghiệp khác;
 - (iii) Trực tiếp phê duyệt cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chỉ đạo và giám sát Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết và các doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty;
 - (iv) Phê duyệt chủ trương và quyết định việc giao kế hoạch, giao khoán nội bộ cho khối

Xây dựng (do Tổng giám đốc phụ trách) đề tự thực hiện thi công các dự án do Tổng công ty làm Chủ đầu tư;

- (v) Đại diện cho Tổng công ty trong việc ký kết các văn bản, tài liệu liên quan đến các giao dịch nêu tại điểm d khoản 2 Điều này.

e) Về Tổ chức bộ máy và Nhân sự:

- (i) Phê duyệt cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự, quy chế quản lý nội bộ tổng thể của toàn Tổng công ty; quyết định các chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi, đào tạo và tuyển dụng áp dụng chung cho toàn Tổng công ty (ngoại trừ các chính sách và quyết định nhân sự chi tiết thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng do Tổng giám đốc phụ trách);
- (ii) Thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; trực tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đại diện Tổng công ty ký kết/chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định mức lương, thưởng đối với toàn bộ nhân sự thuộc các Ban chức năng nghiệp vụ phục vụ chung toàn Tổng công ty; ngoại trừ các vấn đề về tổ chức, nhân sự của các bộ phận phục vụ riêng hoạt động xây lắp do Tổng giám đốc trực tiếp phụ trách.

f) Về Đại diện Tổ tụng:

Đại diện Tổng công ty làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tham gia tố tụng (Tòa án/Trọng tài) đối với các tranh chấp của Tổng công ty, ngoại trừ các tranh chấp chỉ liên quan đến lĩnh vực xây lắp/xây dựng (hoặc tranh chấp liên quan đến nhân sự thuộc lĩnh vực xây lắp/xây dựng) do Tổng giám đốc phụ trách;

g) Các quyền và nghĩa vụ đối với các giao dịch/lĩnh vực chung hoặc các vấn đề khác:

- (i) Đại diện Tổng công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch thương mại thuộc lĩnh vực đầu tư, tài chính, bất động sản và các lĩnh vực khác theo phân định tại khoản 2 Điều 3 này;
- (ii) Đại diện Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với các giao dịch, công việc, hoặc tranh chấp có tính liên quan đồng thời giữa lĩnh vực do Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách và lĩnh vực do Tổng giám đốc phụ trách; hoặc vấn đề không phân định rõ thẩm quyền theo Điều lệ này; hoặc trường hợp pháp luật, đối tác, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu phải có 01 (một) người đại diện theo pháp luật chung cao nhất của Tổng công ty thực hiện, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty để thực hiện toàn bộ các công việc, giao dịch này.
- (iii) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy chế nội bộ và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức hoặc làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán

thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty (nếu có).

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có).
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty (nếu có).
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty. Trường hợp số

ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí được nêu trong Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Công ty do luật pháp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định, Hội đồng quản trị có thể ủy

quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị. Việc ủy quyền được thông qua bằng Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị ủy quyền. Các thành viên Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết/Quyết định ủy quyền chịu trách nhiệm liên đới về việc thực hiện nội dung ủy quyền của người được ủy quyền.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty, gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định trái luật đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định trái luật nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn

bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
2. Trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
 3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và có tối thiểu là 03 người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và tham dự họp
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa

các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
 - c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
12. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách

nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và

các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để những người đại diện theo pháp luật và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản

trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty bao gồm 7 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2026.
2. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2022-2027

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần VINACONEX;

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên Tổng công ty cổ phần VINACONEX tổ chức ngày 21/4/2022 đã bầu ông Nguyễn Hữu Tới và ông Dương Văn Mậu tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần VINACONEX nhiệm kỳ 2022-2027.

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, ông Nguyễn Hữu Tới và ông Dương Văn Mậu hiện không tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần VINACONEX.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về việc thông qua cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần VINACONEX nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 05 thành viên; căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty về việc bầu/miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, căn cứ yêu cầu quản lý hoạt động SXKD của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần VINACONEX kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần VINACONEX nhiệm kỳ 2022-2027 đối với ông Nguyễn Hữu Tới và ông Dương Văn Mậu.
2. Bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần VINACONEX nhiệm kỳ 2022-2027.

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần VINACONEX kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu: VP, TKTH.



Trần Đình Tuấn



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2026

**QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2022 - 2027 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX**

=====

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 21/04/2025.
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 14/04/2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty cổ phần VINACONEX tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 theo quy định như sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số VNMEETVSDV014238/VSDVCGXX do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng 23/3/2026) trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) (theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 1 Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty)

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 3. Đề cử ứng cử viên HĐQT và số thành viên được bầu

3.1. Đề cử ứng cử viên HĐQT (Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 25 Điều lệ Tổng công ty)

- a. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:



- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên.
- b. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3.2. Số lượng thành viên HĐQT được bầu

Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 của Tổng công ty cổ phần VINACONEX, cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 của Tổng công ty là 05 thành viên (trong đó có 01 Thành viên độc lập HĐQT).

Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 là: 02 người.

Điều 4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

4.1. Danh sách ứng cử viên HĐQT:

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát Phiếu bầu HĐQT;
- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số phiếu biểu quyết bầu HĐQT kèm theo mã số tham dự của cổ đông;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Bầu cử đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông tiến hành bầu tối đa cho số lượng thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

Điều 5. Phương thức bầu cử

- 5.1. Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bằng bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- 5.2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu biểu quyết bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 5.3. Cổ đông chọn một trong hai phương pháp sau đây để bầu thành viên HĐQT:
 - Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu: cổ đông chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống của các ứng cử viên mà mình bầu (ngoài ra, cổ đông có thể gạch ngang tên của những ứng viên mà mình không bầu). Số phiếu biểu quyết bầu của từng ứng cử viên được chọn là kết quả chia đều của Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông chia cho số ứng cử viên được lựa chọn.
 - Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên mà mình lựa chọn: cổ đông ghi trực tiếp số phiếu biểu quyết vào ô trống của từng ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Tổng cộng số phiếu biểu quyết bầu mà cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên được bầu không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

Ghi chú:

- ❖ Cổ đông lựa chọn một trong hai phương pháp để thực hiện bầu HĐQT. Nếu cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện đồng thời cả hai phương pháp bầu nêu trên và có số phiếu biểu quyết bầu cho bất kỳ một ứng viên nào khác nhau giữa hai phương pháp bầu thì phiếu bầu của cổ đông/đại diện cổ đông là **không hợp lệ**.
- ❖ Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (*có giấy ủy quyền*), người được ủy quyền (đại diện cổ đông) có đầy đủ quyền biểu quyết/bầu cử.

Điều 6. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- 6.1. Phiếu không theo mẫu quy định của Tổng công ty, không có dấu của Tổng công ty.
- 6.2. Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- 6.3. Phiếu có Tổng cộng số phiếu biểu quyết bầu mà cổ đông/đại diện cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên được bầu vượt quá tổng số phiếu biểu quyết bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.
- 6.4. Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
- 6.5. Phiếu bầu quá số lượng thành viên HĐQT đã được Đại hội thông qua.
- 6.6. Cổ đông/đại diện cổ đông sử dụng cả hai phương pháp bầu và có số phiếu biểu quyết bầu cho bất kỳ một ứng viên nào khác nhau giữa hai phương pháp bầu.
- 6.7. Phiếu bầu không dán tem ghi các thông tin về cổ đông.

Điều 7. Ban Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1. Ban Bầu cử

- a. Ban Bầu cử do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Ban Bầu cử có trách nhiệm:



- Hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu;
 - Phát phiếu bầu cử;
 - Tiến hành kiểm phiếu;
 - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- c. Thành viên Ban Bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a. Ban Bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Bầu cử công bố trước Đại hội.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

- 8.1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu biểu quyết bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu tại Đại hội.
- 8.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết bầu ngang nhau.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- 9.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tổng số phiếu biểu quyết bầu của các cổ đông tham gia bỏ phiếu (theo phương thức bầu dồn phiếu), số phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu biểu quyết bầu nhận được của từng ứng viên HĐQT;
- 9.2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 10. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 10 Điều, được đọc công khai và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.



Trần Đình Tuấn
Chủ tịch HĐQT

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN

BẦU DÒN PHIẾU ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua **số lượng thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội là 2 người**.

Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$(1.000.000 \times 2) = 2.000.000 \text{ phiếu biểu quyết bầu HĐQT.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dòn phiếu cho các ứng cử viên HĐQT theo một trong hai phương pháp sau:

- 1. Phương pháp thứ nhất - Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu:** Cổ đông Nguyễn Văn A chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống tương ứng cho các ứng cử viên HĐQT mà mình bầu, tối đa là 2 ứng viên (ngoài ra, cổ đông có thể gạch ngang tên của những ứng viên mà mình không bầu). Số phiếu biểu quyết bầu của từng ứng cử viên được cổ đông Nguyễn Văn A đã lựa chọn bầu bằng việc tích dấu (x) là kết quả chia đều của Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A (2.000.000) chia cho số ứng cử viên đã được cổ đông Nguyễn Văn A lựa chọn bầu.
- 2. Phương pháp thứ hai - Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên mà mình bầu:** Cổ đông Nguyễn Văn A ghi trực tiếp số phiếu biểu quyết cụ thể vào ô trống tương ứng của từng ứng cử viên HĐQT mà mình lựa chọn bầu, tối đa là 2 ứng viên. Số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên HĐQT có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông Nguyễn Văn A đối với mỗi ứng cử viên. Tổng cộng số phiếu biểu quyết mà cổ đông Nguyễn Văn A bầu cho tất cả các ứng cử viên HĐQT không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của mình (2.000.000).

